|  |  |
| --- | --- |
|  **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**Số: /BC-BTTTT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách trong**

**Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xuất bản**

## I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng (01/2021) đã xác định định hướng phát triển của xuất bản: “Sắp xếp ngành xuất bản, in và phát hành theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiện đại hóa”[[1]](#footnote-1).

- Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia được nêu rõ trong các Nghị quyết và văn kiện Đại hội Đảng, như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII (Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2023; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế -xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025).

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản và Kết luận số 122/KL.

- Kết luận số 23-NQ/TW ngày 22/11/2017 của Ban Bí thư về tăng cường chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ có chỉ đạo Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền Thông: *“Chỉ đạo rà soát các quy định pháp luật về báo chí, xuất bản; kiến nghị Chính phủ, Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống các văn bản của Đảng, Nhà nước; có cơ chế xử lý đủ mạnh để giải quyết kịp thời, dứt điểm các sai phạm của các cơ quan báo chí, xuất bản”.*

Sau hơn 10 năm thi hành, Luật Xuất bản và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý để hoạt động xuất bản *(bao gồm ba lĩnh vực: xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm)[[2]](#footnote-2)* và các hoạt động liên quan đến hoạt động xuất bản phát triển từng bước, có đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cũng như đẩy nhanh việc phát triển văn hóa đọc.

Tuy nhiên, hiện nay với bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học, công nghệ, truyền thông hiện đại đã dẫn đến những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn trong hoạt động xuất bản, cần phải hoàn thiện quy định pháp luật để điều chỉnh, quản lý kịp thời, phù hợp; một số quy định của Luật Xuất bản cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Luật.

Mặt khác, trong những năm vừa qua, một số luật liên quan đã được ban hành và sửa đổi có các nội dung liên quan đến hoạt động xuất bản như: Luật Đầu tư năm 2020 (số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020), Luật An ninh mạng năm 2018 (số 24/2018/QH14 ngày 12/6/2018), Luật Quảng cáo sửa đổi, bổ sung năm 2018 (số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018); Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2022 (số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022), Luật Xử lý viphạm hành chính sửa đổi năm 2020(số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020)…do đó cần được rà soát, xem xét, điều chỉnh để đồng bộ, thống nhất là hết sức cần thiết.

Liên quan đến vấn đề thực thi các cam kết quốc tế có liên quan: Các cam kết quốc tế WTO, CPTPP, EVFTA và các hiệp định thương mại thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên đều có cam kết không mở cửa việc tổ chức nước ngoài được thành lập nhà xuất bản, cơ sở in xuất bản phẩm tại Việt Nam.

Nhằm thể chế hóa các nghị quyết, văn kiện Đại hội Đảng, Luật Xuất bản được ban hành từ năm 2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung một lần về các quy định liên quan đến quy hoạch *(tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch)*, nhưng đến nay cần phải được sửa đổi, bổ sung một cách cơ bản hơn để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

**2. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

**a. Mục tiêu chung**

- Thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng về xuất bản, đặc biệt là định hướng của Đại hội XIII của Đảng: “Xây dựng ngành xuất bản, in và phát hành theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiện đại hóa” và Chỉ thị 42-CT/TW về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản: “Hoạt động xuất bản phải coi trọng việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, đáp ứng nhu cầu đọc của nhân dân, đồng thời phải thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng ngành xuất bản thành một ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc. Cần xây dựng những chính sách và cơ chế phù hợp để xuất bản hoạt động có hiệu quả trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và quy định của Hiến pháp năm 2013”.

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm; rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc phát sinh.

**b. Mục tiêu cụ thể**

- Việc sửa đổi, bổ sung chính sách phải nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động xuất bản; phát huy tối đa những mặt tích cực, khắc phục tối đa những thiếu sót, khuyết điểm trong hoạt động xuất bản đi đôi với quản lý tốt hoạt động xuất bản.

- Sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập trong các quy định của Luật Xuất bản năm 2012 và giải quyết sự chồng chéo với các quy định pháp luật có liên quan, cũng như cụ thể hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc là thành viên có liên quan đến lĩnh vực in và phát hành xuất bản phẩm.

- Bảo đảm tính khả thi của các quy định, tạo điều kiện để hoạt động xuất bản phát triển phù hợp trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xuất bản tập trung vào 4 nhóm chính sách lớn. Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm chính sách hoặc bổ sung, cụ thể hóa quy định hiện hành, hoặc đề xuất giải pháp, chính sách mới.

- Chính sách 01: Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản.

- Chính sách 02: Nâng cao năng lực hoạt động của các nhà xuất bản, cơ sở in và phát hành, thực hiện chủ trương xây dựng ngành xuất bản thành ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc.

- Chính sách 03: Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành.

- Chính sách 04: Hoàn thiện thể chế số trong hoạt động xuất bản.

**A. CHÍNH SÁCH 1: TĂNG CƯỜNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

a. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Luật hiện hành còn bất cập, chưa thể hiện rõ nét tính bao quát để kiểm soát việc tự xuất bản, in, phát hành dạng in và điện tử có hình thức xuất bản phẩm từ đó gây khó khăn trong trong việc xử lý, xử phạt nhất là xử lý in lậu, in giả và xâm hại bản quyền trên không gian mạng.

- Nguyên nhân: Do sự phát triển của công nghệ gắn với hoạt động xuất bản trong thời gian qua; xu thế phát triển của xuất bản thế giới.

- Hậu quả: Thiếu công cụ quản lý, gây khó khăn trong trong việc xử lý, xử phạt nhất là xử lý in lậu, in giả và xâm hại bản quyền trên không gian mạng.

b. Vị trí, vai trò và mục đích của hoạt động xuất bản còn bất cập, chưa được thể chế hóa đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Đảng, đặc biệt quan điểm chỉ đạo về mục tiêu của hoạt động xuất bản theo tinh thần của Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 về Nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản.

- Nguyên nhân: Mặc dù Luật Xuất bản năm 2012 đã cơ bản thể chế hoá các quan điểm của Đảng trong Chỉ thị 42-CT/TW về Nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản. Tuy nhiên, mới chỉ làm rõ vị trí, chưa xác định một trong những nội dung quan trọng là góp phần “xây dựng và bảo vệ nền tảng tư tưởng, nhân sinh quan và thế giới quan khoa học và cách mạng”. Ngoài ra, Chỉ thị 42-CT/TW cũng nêu rất rõ định hướng và mục tiêu phát triển của ngành nhưng Luật Xuất bản 2012 không cụ thể hoá.

- Hậu quả: Việc không thể chế hoá nội dung này sẽ có tác động đến nhận thức chung về vị trí, vai trò của hoạt động xuất bản, đặc biệt là các cấp, ngành trong tổ chức thực hiện; chưa thấy hết tầm quan trọng để hoạch định chính sách; đồng thời thiếu thống nhất trong hoạch định chính sách giữa các cấp, ngành để hướng đến mục tiêu chung là xây dựng ngành xuất bản trở thành “ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện và vững chắc” theo quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Chỉ thị 42-CT/TW.

c. Nội dung giải thích một số thuật ngữ của Luật hiện hành còn bất cập, chưa làm rõ nhiều khái niệm quan trọng như khái niệm xuất bản phẩm, xuất bản phẩm điện tử; còn thiếu giải thích các thuật ngữ quan trọng như in lậu, in giả, in nối bản; chưa có đưa vào đối tượng quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành nên chưa có giải thích từ ngữ về cơ sở này, từ đó dẫn đến trong tổ chức thực hiện có nhiều khó khăn, bất cập như không khả thi trong việc thực hiện quản lý xuất bản phẩm có nội dung số là tranh, ảnh, bản đồ, áp phích dưới dạng số vì hầu hết các sản phẩm đó chỉ là ứng dụng số, nằm trong các thiết bị đầu cuối số, không phải là sản phẩm độc lập như sách. Mặt khác việc thiếu giải thích cụ thể về in lậu dẫn đến hiện tượng bỏ lọt, không có chế định để xây dựng chế tài xử lý các hành vi in các sản phẩm dạng sách nhưng không thông qua nhà xuất bản; xử lý hành vi cung cấp nền tảng trung gian hoặc lợi dụng các nền tảng trung gian để phát hành xuất bản phẩm vi phạm bản quyền.

- Nguyên nhân: Sự vận động của hoạt động xuất bản thời gian qua đòi hỏi cần làm rõ nội hàm các khái niệm quan trọng như “xuất bản phẩm”, “xuất bản phẩm điện tử”, “in lậu”, “lưu chiểu”; thống nhất với các quy định pháp luật liên quan như: “phương thức xuất bản điện tử”; bổ sung khái niệm mới về “cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành” để thống nhất với yêu cầu mở rộng phạm vi và đối tượng quản lý là các cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành và các nền tảng dịch vụ trung gian phát hành.

- Hậu quả: Thiếu công cụ để quản lý dẫn đến tình trạng khó khăn trong công tác quản lý ở một số hoạt động như: phát hành sách trên các nền tảng thương mại điện tử, công tác chống in lậu, khai thác nguồn sách sau khi hết thời hạn nộp lưu chiểu.

 d. Nội dung quản lý quản lý còn bất cập, thiếu các quy định về quản lý đối với chuyển đổi số.

- Nguyên nhân: Thời điểm ban hành Luật Xuất bản năm 2012, yêu cầu quản lý thúc đẩy chuyển đổi số chưa xuất hiện.

- Hậu quả: Việc không quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chuyển đổi số sẽ ảnh hưởng nhất định đến việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản.

 đ. Chính sách của nhà nước đối với hoạt động xuất bản còn nhiều bất cập, thiếu tính khả thi, chưa thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về hoạt động xuất bản. Cụ thể:

Đối với lĩnh vực xuất bản: Thiếu chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho toàn bộ các nhà xuất bản; thiếu chính sách ưu đãi về tiền thuê nhà, thuê đất thuộc sở hữu nhà nước cho các nhà xuất bản; chưa có các hình thức giao nhiệm vụ, đấu thầu xuất bản phẩm thực hiện bằng ngân sách nhà nước phù hợp với các quy định pháp luật về ngân sách và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công bằng ngân sách nhà nước; chưa có chính sách ưu đãi đối với nhà xuất bản tổ chức xuất bản các xuất bản phẩm phục vụ giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề phù hợp tinh thần xây dựng xã hội học tập; chưa có chính sách hỗ trợ kinh phí tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao nhằm tôn vinh đội ngũ tác giả, nhà xuất bản, người làm sách góp phần xuất bản nhiều tác phẩm có giá trị cao phục vụ xã hội theo quan điểm chỉ đạo của Đảng.

Đối với lĩnh vực in xuất bản phẩm: Thiếu chính sách hỗ trợ cơ sở in xuất bản phẩm phục vụ giáo dục, dạy nghề; chưa có chính sách hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp, chính sách ưu đãi tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước đối với các cơ sở in thuộc đối tượng ưu đãi để tạo điều kiện cho các cơ sở in phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị; đồng thời đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa theo quan điểm chỉ đạo của Đảng.

Đối với lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm: chính sách ưu đãi quỹ đất, hỗ trợ cước vận chuyển không còn phù hợp do thiếu nguồn lực và không đồng bộ với các quy định sử dụng ngân sách nhà nước; thiếu chính sách hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến đối với các cơ sở phát hành thuộc đối tượng ưu đãi; chưa đưa đối tượng cơ sở phát hành phục vụ thông tin đối ngoại vào đối tượng ưu đãi; thiếu các chính sách ưu đãi về thuế đối với các cơ sở phát hành xuất bản phẩm.

Đối với lĩnh vực xuất bản và phát hành điện tử cần được mở rộng để phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản, qua đó bổ sung các chính sách: đầu tư chuyển đổi số cho nhà xuất bản; ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số cho lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm.

- Nguyên nhân: So với thời điểm ban hành Luật Xuất bản 2012, ngành xuất bản đã có một số bước phát triển mới, đòi hỏi có chủ trương, chính sách phù hợp hơn, có tính khả thi hơn để tạo động lực phát triển ngành.

- Hậu quả: Thiếu chính sách phù hợp ảnh hưởng sự phát triển nhanh, mạnh của ngành, thực hiện mục tiêu Đại hội Đảng XIII nêu: “xây dựng ngành xuất bản, in và phát hành theo hướng chất lượng, tinh gọn và hiện đại hoá”.

e. Việc giải quyết kiến nghị, phản ánh chưa rõ, chưa đề cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản, các cơ quan chức năng liên quan và nhà xuất bản trong việc xử lý đơn thư, phản ánh nhằm góp phần khôi phục lại những quyền và lợi ích chính đáng của công dân, mặt khác kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật nhằm giữ gìn kỷ cương, trật tự tại cơ sở, tạo lòng tin của người dân vào cơ quan thực thi pháp luật.

- Nguyên nhân: Thời điểm ban hành Luật Xuất bản 2012, chỉ tập trung vào nội dung xử lý đơn thư khiếu nại, tố cao, chưa xác định đủ các vấn đề liên quan đến xử lý bao gồm cả kiến nghị, phản ánh.

- Hậu quả: Thời gian qua, việc xử lý kiến nghị, phán ánh là nội dung quan trọng nhưng chưa được Luật Xuất bản điều chỉnh. Các cơ quan chức năng xử lý theo quy định chung về kiến nghị, phản ánh dẫn đến xuất hiện hiện tượng đùn đẩy, né tránh, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, người dân.

f. Các quy định về hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản còn bất cập dẫn đến chưa có chế định làm cơ sở xử lý vi phạm trong hoạt động xuất bản, góp phần ngăn chặn hiệu quả vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản, đặc biệt là in lậu và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên không gian mạng.

- Nguyên nhân: Thời điểm Luật Xuất bản 2012 ban hành, các quy định của Luật chưa chưa bao quát các nội dung này.

- Hậu quả: Chưa quy định cụ thể hành vi bị cấm, đặc biệt là cấm tổ chức nhân bản và phát hành sản phẩm dạng sách (một hình thức của in và phát hành lậu) dẫn đến gây khó khăn, cơ quan chức năng không có công cụ để xử lý.

g. Các quy định về hành vi vi phạm bị xử lý chưa đầy đủ, chưa có các quy định để thống nhất các quy định pháp luật hiện nay về an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Nguyên nhân: Thời điểm Luật Xuất bản 2012 ban hành, các quy định của Luật chưa chưa bao quát các nội dung này; Luật an toàn thông tin và Luật an ninh mạng ban hành sau thời điểm Luật Xuất bản ban hành.

- Hậu quả: Gây thiếu thống nhất trong hệ thống pháp luật, khó khăn cho cơ quan trong tổ chức, thực hiện pháp luật.

h. Các quy định về phí trong Luật hiện hành còn bất cập, chưa có quy định về phí trong cấp mã số ISBN cho xuất bản phẩm của nhà xuất bản và phí thẩm định nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh dẫn đến việc sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên số, gây khó khăn cho các cơ quan quản lý nhà nước, tạo kẽ hở cho một số đối tượng lợi dụng để trục lợi trong việc nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh nhưng thực chất là phục vụ kinh doanh thu lợi nhuận.

- Nguyên nhân: Thời điểm Luật Xuất bản 2012 ban hành, các quy định của Luật chưa chưa bao quát các nội dung này

- Hậu quả: Tạo ra hiện tượng đăng ký “ảo” xuất bản phẩm; lợi dung nhập khẩu không kinh doanh để trốn tránh nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, gây sức ép lên cơ quan quản lý dẫn đến hiện tượng quá tải do không đủ nguồn lực và nhân sự triển khai trong thực hiện thủ tục nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh ở một số tỉnh thành.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

a. Hoàn thiện nội dung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh, mở rộng phạm vi điều chỉnh nhằm bảo đảm phạm vi và đối tượng điều chỉnh phù hợp yêu cầu quản lý trong điều kiện mới, tạo điều kiện điều chỉnh các hoạt động có liên quan đến hoạt động xuất bản như xuất bản(Điều 1, Điều 2).

b. Hoàn thiện nội dung về vị trí, vai trò, mục tiêu của hoạt động xuất bản, bổ sung và làm rõ nội dung về vai trò xây dựng nền tảng tư tưởng của hoạt động xuất bản và các nội dung định hướng phát triển của hoạt động xuất bản trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Đảng (Điều 3).

c. Hoàn thiện nội dung quy định về giải thích thuật ngữ, bổ sung nội hàm các khái niệm xuất bản phẩm, lưu chiểu, in lậu; bổ sung thuật ngữ cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành làm cơ sở cho xây dựng các chế định và chế tài trong hoạt động xuất bản (Điều 4).

d. Hoàn thiện nội dung quy định về nội dung quản lý nhà nước và chính sách của nhà nước; bổ sung nội dung về thúc đẩy chuyển đổi số và chỉ đạo các hoạt động truyền thông quảng bá về sách, thúc đẩy phát triển thị trường xuất bản phẩm và văn hóa đọc (Điều 6).

đ. Hoàn thiện nội dung quy định về chính sách của nhà nước:

- Hoàn thiện nội dung chính sách của nhà nước đối với lĩnh vực xuất bản: mở rộng về chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho toàn bộ các nhà xuất bản; bổ sung ưu đãi về tiền thuê nhà, thuê đất thuộc sở hữu nhà nước cho các nhà xuất bản; bổ sung các hình thức giao nhiệm vụ, đấu thầu xuất bản phẩm thực hiện bằng ngân sách nhà nước; bổ sung đối tượng xuất bản phẩm phục giáo dục, dạy nghề vào đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi; bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao (khoản 2 Điều 7).

- Hoàn thiện nội dung chính sách của nhà nước đối với in xuất bản phẩm: thống nhất với nội dung lĩnh vực xuất bản, bổ sung các cơ sở in xuất bản phẩm phục vụ giáo dục, dạy nghề vào các đối tượng được ưu đãi; bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp; bổ sung chính sách ưu đãi tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước đối với các cơ sở in thuộc đối tượng ưu đãi (khoản 3 Điều 7).

- Hoàn thiện nội dung chính sách của nhà nước đối với lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm: Bỏ chính sách ưu đãi quỹ đất, hỗ trợ cước vận chuyển; bổ sung chính sách hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến đối với các cơ sở phát hành thuộc đối tượng ưu đãi; bổ sung cơ sở phát hành phục vụ thông tin đối ngoại vào đối tượng ưu đãi; bổ sung chính sách ưu đãi về thuế đối với các cơ sở phát hành xuất bản phẩm (khoản 4 Điều 7).

- Hoàn thiện nội dung chính sách của nhà nước đối với lĩnh vực xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử: chuyển thành chính sách đối với chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản, trong đó bổ sung các chính sách: đầu tư chuyển đổi số cho nhà xuất bản; ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số cho lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm (khoản 5 Điều 7).

e. Hoàn thiện nội dung quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, đề cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản, các cơ quan chức năng liên quan và nhà xuất bản (Điều 9).

f. Hoàn thiện nội dung quy định về hành vi bị cấm và hành vi vi phạm bị xử lý trong hoạt động xuất bản, bổ sung việc cấm hành vi in lậu xuất bản phẩm và phát hành sản phẩm in lậu (Điều 10).

g. Hoàn thiện nội dung quy định xử lý các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản; bổ sung việc xử lý các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản (Điều 11).

h. Hoàn thiện nội dung quy định về quản lý đăng ký và cấp mã số ISBN cho nhà xuất bản; bỏ thủ tục đăng ký xuất bản nhưng giữ thủ tục đăng ký cấp mã số ISBN; bổ sung yêu cầu nhà xuất bản phải trả phí cấp mã sô ISBN cho mỗi xuất bản phẩm và tổ chức, cá nhân nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh trả phí thẩm định xuất bản phẩm khi có yêu cầu thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

**3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

***a. Đối với việc mở rộng phạm vi và đối tượng điều chỉnh (Điều 1 và Điều 2)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Sửa Điều 1 Luật Xuất bản về phạm vi điều chỉnh, bổ sung thêm nội dung tổ chức và cá nhân có liên quan. Cụ thể: *“Luật này quy định về tổ chức và hoạt động xuất bản; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động xuất bản”.*

+ Sửa Điều 2 Luật Xuất bản về đối tượng điều chỉnh, sửa lại nội dung trước đây theo hướng quy định các đối tượng hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam sang hướng hoạt động và có liên quan đến Việt Nam. Cụ thể: *“Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động xuất bản tại nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Đối với giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu công cụ để quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan đến hoạt động xuất bản như: cung cấp nền tảng trung gian phát hành, in và phát hành sản phẩm dạng sách, quản lý sách được xuất bản hợp pháp được nhập khẩu vào Việt Nam.

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với các đơn vị xuất bản[[3]](#footnote-3): Việc thiếu quản lý các cơ sở trung gian nền tảng phát hành, không quản lý được hoạt động in và phát hành sản phẩm dạng sách dẫn đến tạo sân chơi thiếu bình đẳng, ảnh hưởng sự phát triển của các đơn vị xuất bản hoạt động nghiêm túc, tuân thủ pháp luật.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không.

- Giải pháp 2: Sửa đổi quy định tại Điều 3, 4 của Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có căn cứ pháp luật đầy đủ, sát với thực tiễn hơn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý.

(2) Đối với người dân: Việc tuân thủ pháp luật sẽ thuận lợi hơn vì quy định được tường minh hơn.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ, tạo sân chơi bình đẳng để các đơn vị xuất bản phát triển.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với các đơn vị xuất bản : Không có

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có). Không phát sinh bản thân chính sách này tuy không trực tiếp phát sinh thủ tục hành chính nhưng lại mang tính tiền đề cho các chính sách khác có quy định về thủ tục hành chính

***b. Đối với việc hoàn thiện nội dung về vị trí, mục đích của hoạt động xuất bản (Điều 3)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Bổ sung nội dung về nhiệm vụ xây dựng nền tảng tư tưởng của hoạt động xuất bản vào vai trò của hoạt động xuất bản và định hướng phát triển của hoạt động xuất bản theo tinh thần của Chỉ thị số 42-CT/TW về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản vào mục đích của hoạt động xuất bản. Cụ thể: *“1. Hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng có nhiệm vụ phổ biến, giới thiệu tri thức thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, xây dựng nền tảng tư tưởng, đạo đức và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành vi làm tổn hại lợi ích quốc gia, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. 2. Hoạt động xuất bản phải coi trọng việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, đồng thời phải thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng ngành xuất bản thành một ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: giữ nguyên không sửa đổi.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Ảnh hưởng đến nhận thức của cấp, ngành về tầm quan trọng của hoạt động xuất bản đối với việc xây dựng, bảo vệ nền tảng tư tưởng, ảnh hưởng đến sự thống nhất cao của các cấp, ngành trong xây dựng định hướng phát triển, đưa ngành trở thành ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc.

(2) Đối với người dân: Ảnh hưởng đến nhận thức của người dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của xuất bản đối với sự phát triển cá nhân và cộng đồng.

(3) Đối với đơn vị xuất bản: Ảnh hưởng đến nhận thức của các đơn vị xuất bản về vị thế, vai trò của mình, ảnh hưởng đến sự thống nhất trong nhận thức về mục tiêu, định hướng phát triển để trở thành một ngành kinh tế công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): không có.

- Giải pháp 2: sửa đổi, bổ sung Điều 3.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Xây dựng nền tảng tư tưởng là nhiệm vụ trọng yếu của ngành xuất bản. Việc xác định sẽ góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý. Việc thể chế hoá quan điểm chỉ đạo của Đảng về mục tiêu phát triển của hoạt động xuất bản sẽ tạo sự thống nhất cao trong chỉ đạo, quản lý hoạt động xuất bản để hướng đến mục tiêu xây dựng ngành xuất bản thành ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Thể chế hoá sẽ góp phần thống nhất cao trong quá trình xây dựng định hướng phát triển của các đơn vị xuất bản.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có). Không phát sinh thủ tục hành chính.

***c. Đối với việc hoàn thiện nội dung về giải thích thuật ngữ (Điều 4)***

*Thứ nhất. Các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ về xuất bản phẩm, bổ sung nội hàm sách in và sách điện tử vào khái niệm xuất bản phẩm, bổ sung hình thức “sách điện tử” vào các hình thức sách *(khoản 4, Điều 4);* đồng thời bỏ nội dung giải thích từ ngữ về “xuất bản điện tử” (khoản 8, Điều 4) và “xuất bản phẩm điện tử” *(khoản 9, Điều 4).* Cụ thể: *“4. Xuất bản phẩm bao gồm xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh và được thể hiện dưới các hình thức sau đây: a) Sách in và sách điện tử; b) Sách chữ nổi, c) Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp, các loại lịch; d) Bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách”.*

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ *“in xuất bản phẩm”* bổ sung nội dung xuất bản phẩm vào thuật ngữ in; mô tả rõ thiết bị gắn với công đoạn in xuất bản phẩm *(khoản 2, Điều 4).*Cụ thể: *“2. In xuất bản phẩm là việc sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để tạo ra xuất bản phẩm từ bản mẫu”.*

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ “phát hành xuất bản phẩm” *(khoản 3, Điều 4),* bổ sung nội dung xuất bản phẩm vào thuật ngữ phát hành để chính xác hoá thuật ngữ. Cụ thể: “3. Phát hành *xuất bản phẩm* là việc thông qua một hoặc nhiều hình thức mua, bán, phân phát, tặng, cho, cho thuê,cho mượn,xuất khẩu, nhập khẩu, hội chợ, triển lãm để đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng”.

+ Bỏ giải thích thuật ngữ “xuất bản điện tử” *(khoản 8 Điều 4)*.

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ “phương tiện điện tử”, cập nhật quy định mới của Luật Giao dịch điện tử *(khoản 10 Điều 4).* Cụ thể: *“10.**Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Giao dịch điện tử.”.*

+ Hoàn thiện. giải thích thuật ngữ “lưu chiểu”, làm rõ nội hàm khái niệm lưu chiểu gắn với yêu cầu về thời gian quản lý trên cơ sở thống nhất với thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 24 tháng (khoản 12 Điều 4). Cụ thể: *“12. Lưu chiểu là việc cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận xuất bản phẩm và lưu giữ 24 tháng kể từ ngày tiếp nhận để đối chiếu, kiểm tra, thẩm định.”.*

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ in lậu (khoản 13, Điều 4). Cụ thể: “*13. In lậu xuất bản phẩm là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in hoặc máy photocopy để nhân bản các sản phẩm thuộc các trường hợp sau: a) Tác phẩm, tài liệu dưới hình thức xuất bản phẩm nhưng không được xuất bản thông qua nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản hoặc không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả; b) Có số lượng in vượt quá số lượng theo quyết định xuất bản của nhà xuất bản, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất bản hoặc vượt quá số lượng theo hợp đồng in.”.*

+ Bổ sung giải thích thuật ngữ “cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm”. *(khoản 14 Điều 4)* Cụ thể: “*14. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm là đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp cung cấp nền tảng số trung gian để phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 45 Luật Giao dịch điện tử”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu rõ ràng các khái niệm, đặc biệt khái niệm “xuất bản phẩm”, “xuất bản phẩm điện tử”, chưa giải thích khái niệm in lậu; chưa đưa vào đối tượng quản lý và vì thế chưa có khái niệm “cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm” làm phát sinh kẽ hở pháp luật, gây khó khăn trong công tác quản lý, đặc biệt là bảo vệ bản quyền; phát triển thị trường xuất bản phẩm.

(2) Đối với người dân: Thiếu khái niệm dẫn đến thiếu công cụ quản lý, là nguyên nhân dẫn đến tình trạng in lậu, phát hành lậu xuất bản phẩm, tạo thị trường thiếu lành mạnh, ảnh hưởng quyền tiếp cận sản phẩm chất lượng của người dân; đồng thời cũng tác động năng lực sáng tạo của đội ngũ tác giả, người làm công tác xuất bản.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Thiếuminh bạch ở một số thuật ngữ, chưa thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan, gây khó khăn trong thực thi pháp luật, tạo điều kiện để một số đối tượng lợi dụng xâm phạm bản quyền, đặc biệt là bản quyền trên không gian mạng.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi khoản 4, 8, 10, 12, 13; bổ sung khoản 14 Điều 4

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Minh bạch hoá thuật ngữ, công tác quản lý nhà nước sẽ có căn cứ pháp luật đầy đủ, sát với thực tiễn hơn, tạo điều kiện để các cơ quan quản lý hoạt động xuất bản tổ chức thực hiện pháp luật hiệu quả. góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

(2) Đối với người dân: Việc tuân thủ pháp luật sẽ thuận lợi hơn vì quy định được tường minh hơn.

(3) Đối với doanh nghiệp: Việc tuân thủ pháp luật sẽ thuận lợi hơn vì quy định được đầy đủ, rõ ràng, tường minh hơn.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh bản thân chính sách này tuy không trực tiếp phát sinh thủ tục hành chính nhưng lại mang tính tiền đề cho các chính sách khác có quy định về thủ tục hành chính.

***d. Hoàn thiện nội dung về quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất bản (Điều 6)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bổ sung nội dung chuyển đổi số vào nội dung quản lý của nhà nước (điểm d khoản 1 Điều 6). Cụ thể: *“d. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản; đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động xuất bản.*

+ Bổ sung nội dung chỉ đạo các hoạt động truyền thông quảng bá về sách, thúc đẩy phát triển thị trường xuất bản phẩm và văn hóa đọc vào nội dung quản lý (khoản 1 Điều 6). Cụ thể: *“h) Chỉ đạo các hoạt động truyền thông quảng bá về sách, thúc đẩy phát triển thị trường xuất bản phẩm và văn hóa đọc”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Chưa thể chế hoá đầy đủ quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng các chính sách phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động xuất bản, chưa bảo đảm tính khả thi và phù hợp yêu cầu phát triển của hoạt động xuất bản trong bối cảnh chuyển đổi số.

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Thiếu các quy định để thực hiện đúng nguyên tắc doanh nghiệp được làm những gì pháp luật không cấm, bảo đảm tính nghiêm minh thi hành pháp luật.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): không có.

- Giải pháp 2:

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Công tác quản lý nhà nước sẽ có căn cứ pháp luật đầy đủ, sát với thực tiễn hơn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

(2) Đối với người dân: Việc tuân thủ pháp luật sẽ thuận lợi hơn vì quy định được tường minh hơn.

(3) Đối với doanh nghiệp: Việc tuân thủ pháp luật sẽ thuận lợi hơn vì quy định được đầy đủ, rõ ràng, tường minh hơn.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có). Không phát sinh bản thân chính sách này tuy không trực tiếp phát sinh thủ tục hành chính nhưng lại mang tính tiền đề cho các chính sách khác có quy định về thủ tục hành chính.

***đ. Hoàn thiện nội dung về chính sách của nhà nước đối với hoạt động xuất bản (Điều 7)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Đối với lĩnh vực xuất bản:

(1) Hoàn thiện quy định về đặt hàng xuất bản phẩm bằng ngân sách nhà nước để phục vụ các nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác trên cơ sở: Bổ sung hình thức giao nhiệm vụ, đấu thầu xuất bản phẩm; nhấn mạnh yêu cầu chất lượng đối với xuất bản phẩm đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu; bổ sung đối tượng hưởng ưu đãi là xuất bản phẩm phục vụ giáo dục, dạy nghề (điểm b, khoản 2, Điều 7). Cụ thể: *“b) Đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để có bản thảo chất lượng và xuất bản tác phẩm, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, giáo dục, dạy nghề, thông tin đối ngoại, phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thị và các nhiệm vụ trọng yếu khác”.*

(2) Bổ sung chính sách ưu đãi tiền thuê nhà, thuê đất thuộc sở hữu nhà nước *(điểm d khoản 2 Điều 7)*. Cụ thể: *“d) Ưu đãi tiền thuê đất, thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, lãi suất vay vốn theo quy định của pháp luật”.*

(3) Bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao *(điểm đ khoản 2 Điều 7).* Cụ thể: *“đ) Hỗ trợ kinh phí tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao”*

+ Đối với lĩnh vực in xuất bản phẩm:

(1) Bổ sung các cơ sở in xuất bản phẩm phục vụ giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề vào các đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến; đồng thời bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp; *(điểm a khoản 3 Điều 7).* Cụ thể: *“a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho cơ sở in phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, giáo dục, dạy nghề, thông tin đối ngoại và cơ sở in tại vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo; hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp”.*

(2) Bổ sung chính sách ưu đãi tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước đối với các cơ sở in thuộc đối tượng ưu đãi (điểm b, khoản 3 Điều 7). Cụ thể: *“b) Ưu đãi tiền thuê đất, thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước để làm nhà xưởng và lãi suất vay vốn đối với cơ sở in phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại và cơ sở in tại vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo theo quy định pháp luật”.*

+ Đối với lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm:

(1) Bỏ chính sách ưu đãi quỹ đất; bổ sung cơ sở phát hành phục vụ thông tin đối ngoại vào đối tượng ưu đãi và bổ sung chính sách hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến đối với các cơ sở phát hành thuộc đối tượng ưu đãi; (điểm a khoản 4 Điều 7). Cụ thể: *“Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiến tiến ~~cho~~ đối với cơ sở phát hành phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại*

(2) Bỏ “hỗ trợ cước vận chuyển vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo”. (điểm b khoản 4 Điều 7).

+ Đối với lĩnh vực xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử:

Sửa tên chính sách đối với xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử chuyển thành chính sách đối với chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản, đồng thời bổ sung các chính sách: (1) Đầu tư chuyển đổi số cho nhà xuất bản; (2) Ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số cho lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm (khoản 5 Điều 7). Cụ thể: *“5. Chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản: a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho nhà xuất bản để xuất bản xuất bản phẩm điện tử; b) Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu đặc tả của xuất bản phẩm điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, truy nhập, quản lý và lưu trữ xuất bản phẩm điện tử; c) Ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số cho lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân:Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Các chính sách thiếu nguồn lực hoặc không phù hợp dẫn đến thiếu tính khả thi, gây khó khăn cho cơ quan nhà nước trong tổ chức thực hiện.

(2) Đối với người dân: Việc thiếu chính sách phù hợp đối các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiếp cận và thụ hưởng các sản phẩm xuất bản và dịch vụ in và phát hành xuất bản phẩm của người dân

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Thiếu chính sách phù hợp thúc đẩy xuất bản phát triển theo hướng chât lượng, tinh gọn và hiện đại hoá theo quan điểm chỉ đạo cảu Đảng.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung điểm b, d, đ khoản 2; a, b khoản 3, a, b khoản 4; sửa điểm a và bổ sung c, d khoản 5.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Tập trung nguồn lực cần thiết đầu tư phát triển các nhiệm vụ trọng tâm đối với từng lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm, thưc hiện chuyển đổi số trong xuất bản.

(2) Đối với người dân: Nhận sự đầu tư của nhà nước, đặc biệt là người dân ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Có cơ chế, chính sách phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động xuất bản, góp phần các đơn vị phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị, nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển nhanh, đúng định hướng.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh bản thân chính sách này tuy không trực tiếp phát sinh thủ tục hành chính nhưng lại mang tính tiền đề cho các chính sách khác có quy định về thủ tục hành chính.

***e. Hoàn thiện nội dung quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (Điều 11)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bỏ nội dung in nối bản, in giả khỏi các nội dung bị cấm *(điểm c khoản 2 Điều 10).* Cụ thể: *“c) In lậu, ~~in giả, in nối bản trái phép~~ xuất bản phẩm”.*

+ Bổ sung hành vi phát hành sản phẩm in lậu *(điểm d khoản 2 Điều 10).* Cụ thể: *“d) Phát hành xuất bản phẩm không có nguồn gốc hợp pháp, xuất bản phẩm không nộp lưu chiểu, sản phẩm in lậu theo quy định khoản 13 Điều 4 Luật này”.*

*+* Bổ sung nội dung các quy định các hành vi xâm phạm quy định pháp luật về an toàn, an ninh mạng bị xử lý. *(khoản 5 Điều 12*). Cụ thể: *“5. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và an toàn thông tin, an ninh mạng”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: không có

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với cá đơn vị xuất bản: thiếu chính sách phù hợp thúc đẩy xuất bản phát triển theo hướng chât lượng, tinh gọn và hiện đại hoá theo quan điểm chỉ đạo cảu Đảng.

Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 9

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có công cụ để quản lý hiệu quả, góp phần ngăn chặn hành vi xâm phạm bản quyền, in lậu và các hành vi lợi dụng kẽ hở pháp luật để thực hiện in và phát tán các ấn phẩm dạng sách ảnh hưởng an ninh tư tưởng, trậ tự an toàn xã hội, tác động tiêu cực lên thị trường xuất bản.

(2) Đối với người dân: Bảo vệ quyền tác giả và môi trường sáng tạo, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Góp phần bảo vệ thị trường, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị xuất bản hoạt động nghiêm chỉnh, tuân thủ quy định pháp luật; ngăn chặn và xử lý các đơn vị xuất bản vi phạm, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển lành mạnh của thị trường xuất bản.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh bản thân chính sách này tuy không trực tiếp phát sinh thủ tục hành chính nhưng lại mang tính tiền đề cho các chính sách khác có quy định về thủ tục hành chính.

***f. Hoàn thiện nội dung về hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản (Điều 10)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bỏ nội dung in nối bản, in giả khỏi các nội dung bị cấm *(điểm c khoản 2 Điều 10).* Cụ thể: *“c) In lậu, ~~in giả, in nối bản trái phép~~ xuất bản phẩm”.*

+ Bổ sung hành vi phát hành sản phẩm in lậu *(điểm d khoản 2 Điều 10).* Cụ thể: *“d) Phát hành xuất bản phẩm không có nguồn gốc hợp pháp, xuất bản phẩm không nộp lưu chiểu, sản phẩm in lậu theo quy định khoản 13 Điều 4 Luật này”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu công cụ để xử lý hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản, đặc biệt là hành vi in lậu, vi phạm bản quyền trên không gian mạng

(2) Đối với người dân: Tạo thị trường sách thiếu lành mạnh, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong việc thụ hưởng các xuất bản phẩm thật, chất lượng.

(3) Đối với đơn vị xuất bản: Gây khó khăn, tổn hại lớn đến nguồn doanh thu, lợi nhuận của các đơn vị xuất bản, hạn chế khả năng tái đầu tư của các đơn vị, làm chậm quá trình phát triển các đơn vị.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 10, 11.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có công cụ để quản lý hiệu quả, góp phần ngăn chặn hành vi xâm phạm bản quyền, in lậu và các hành vi lợi dụng kẽ hở pháp luật để thực hiện in và phát tán các ấn phẩm dạng sách ảnh hưởng an ninh tư tưởng, trậ tự an toàn xã hội, tác động tiêu cực lên thị trường xuất bản.

(2) Đối với người dân: Bảo vệ quyền tác giả và môi trường sáng tạo, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Góp phần bảo vệ thị trường, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị xuất bản hoạt động nghiêm chỉnh, tuân thủ quy định pháp luật; ngăn chặn và xử lý các đơn vị xuất bản vi phạm, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển lành mạnh của thị trường xuất bản.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với cá đơn vị xuất bản: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh bản thân chính sách này tuy không trực tiếp phát sinh thủ tục hành chính nhưng lại mang tính tiền đề cho các chính sách khác có quy định về thủ tục hành chính.

***g. Hoàn thiện nội dung quy định xử lý các hành vi vi phạm về an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản (Điều 11).***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Bổ sung nội dung các quy định các hành vi xâm phạm quy định pháp luật về an toàn, an ninh mạng bị xử lý. *(khoản 5 Điều 12*). Cụ thể: *“5. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và an toàn thông tin, an ninh mạng”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu công cụ để xử lý hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản, đặc biệt là hành vi in lậu, vi phạm bản quyền trên không gian mạng.

(2) Đối với người dân: Tạo thị trường sách thiếu lành mạnh, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong việc thụ hưởng các xuất bản phẩm thật, chất lượng.

(3) Đối với đơn vị xuất bản: Gây khó khăn, tổn hại lớn đến nguồn doanh thu, lợi nhuận của các đơn vị xuất bản, hạn chế khả năng tái đầu tư của các đơn vị, làm chậm quá trình phát triển các đơn vị.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 10, 11.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Tạo sự thống nhất của hệ thống pháp luật, có công cụ để quản lý hiệu quả an toàn, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản.

(2) Đối với người dân: Bảo vệ quyền tác giả và môi trường sáng tạo, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Góp phần bảo vệ thị trường, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị xuất bản hoạt động nghiêm chỉnh, tuân thủ quy định pháp luật; ngăn chặn và xử lý các đơn vị xuất bản vi phạm, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển lành mạnh của thị trường xuất bản.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với cá đơn vị xuất bản: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh bản thân chính sách này tuy không trực tiếp phát sinh thủ tục hành chính nhưng lại mang tính tiền đề cho các chính sách khác có quy định về thủ tục hành chính.

***h. Hoàn thiện nội dung về phí (Điều 22, Điều 41)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1 Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bổ sung quy định về thu phí ISBN *(khoản 1 Điều 22)*. Cụ thể: *“1. Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký cấp mã ISBN theo mẫu quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông và* ***nộp phí*** *theo quy định****.*** *Nội dung đăng ký cấp mã ISBN phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản”.*

+ Bổ sung quy định về thu phí thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh *(khoản 7, Điều 41).* Cụ thể: *“7. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh;**Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức phí thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu nguồn lực để thực hiện quản lý hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với việc cấp mã ISBN và cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với cá đơn vị xuất bản: Các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu để kinh doanh bị cạnh tranh bất bình đẳng, gây khó khăn trong sản xuất kinh doanh

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22, khoản 7 Điều 41.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có nguồn lực tài chính để quản lý hiệu quả nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh; tiết kiệm kho số ISBN, hạn chế chi phí quản lý không cần thiết đối với cấp mã số ISBN góp phần nâng cao hiệu lực hiệu công tác quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực xuất bản.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với các đơn vị xuất bản: Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch xuất bản; đảm bảo công bằng của các đơn vị kinh doanh nhâp khẩu xuất bản phẩm với các hoạt động nhập khẩu không kinh doanh của các tổ chức, cá nhân.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có

(2) Đối với người dân: Phát sinh chi phí nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh.

(3) Đối với doanh nghiệp: phát sinh chi phí đăng ký ISBN.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh bản thân chính sách này tuy không trực tiếp phát sinh thủ tục hành chính nhưng lại mang tính tiền đề cho các chính sách khác có quy định về thủ tục hành chính.

**4. Kiến nghị lựa chọn giải pháp**

***a. Đối với việc mở rộng phạm vi và đối tượng điều chỉnh (Điều 1 và Điều 2)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn:*

Giải pháp 2: Sửa đổi bổ sung Điều 1, Điều 2 Luật Xuất bản.

*Thứ hai, lý do lựa chọn:*

*-* Mở rộng phạm vi điều chỉnh nhằm bao quát các quan hệ xã hội mà Luật Xuất bản cần điều chỉnh, khắc phục một số quan hệ xã hội không phải do các chủ thể tham gia trực tiếp vào hoạt động xuất bản nhưng có liên quan đến hoạt động xuất bản, cần được Luật này điều chỉnh như: xuất bản, in, phát hành dạng in và điện tử có hình thức xuất bản phẩm; cung cấp dịch vụ trung gian hoạt động phát hành. Ngoài ra, quy định như trên cũng bảo đảm sự thống nhất, chặt chẽ trong quy định đối với việc quản lý nhập khẩu xuất bản phẩm được xuất bản hợp pháp ở nước ngoài nhưng không qua nhà xuất bản (theo hình thức tự xuất bản).

- Mở rộng đối tượng điều chỉnh để thống nhất với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh nhằm bao quát hơn, không chỉ có các đối tượng tham gia trực tiếp hoạt động xuất bản (nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm) mà điều chỉnh và áp dụng đối với các chủ thể cung cấp nền tảng xuất bản, phát hành xuất phẩm, nhất là các nền tảng xuyên biên giới; các tổ chức, cá nhân lợi dụng kẽ hở pháp luật, in lậu các sản phẩm dạng sách nhưng không thông qua nhà xuất bản; quản lý xuất bản phẩm do cá nhân tự xuất bản hợp pháp được nhập khẩu vào Việt Nam.

***b. Đối với việc hoàn thiện nội dung về vị trí, mục đích của hoạt động xuất bản (Điều 3)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn:*

Giải pháp 2: Sửa đổi bổ sung Điều 3 Luật Xuất bản.

*Thứ hai, lý do lựa chọn:*

Xây dựng nền tảng tư tưởng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động xuất bản đã được Chỉ thị số 42-CT/TW khẳng định; bổ sung nội dung này nhằm khẳng định vai trò của hoạt động xuất bản, trách nhiệm của người làm công tác xuất bản. Bên canhh đó, việc bổ sung khoản 2 về định hướng phát triển vào mục tiêu của hoạt động xuất bản để khẳng định rõ tầm nhìn và yêu cầu phát triển của hoạt động xuất bản; thể chế hoá các nội dung quan trọng trong quan điểm chỉ đạo của Đảng về hoạt động xuất bản.

***c. Đối với việc hoàn thiện nội dung về giải thích thuật ngữ (Điều 4)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn:*

Giải pháp 2: sửa đổi bổ sung Điều 4 Luật Xuất bản.

*Thứ hai, lý do lựa chọn:*

- Bỏ khái niệm xuất bản phẩm điện tử và bổ sung nội hàm khái niệm xuất bản phẩm nhằm bảo đảm tính chính xác về ngữ nghĩa vì “xuất bản phẩm” phải bao hàm cả xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử. Mặt khác việc giải thích xuất bản phẩm điện tử hiện nay là xuất bản phẩm địện tử là sách in, tranh, ảnh, bản đồ, tờ rời, áp phích, tờ gấp, các loại lịch” được thể hiện trên phương tiện điện tử là không chính xác, không phù hợp mục tiêu quản lý do sách điện tử là một hình thức thể hiện độc lập, không phải là sách in được thể hiện trên phương tiện điện tử; tờ rời, tờ gấp không có hình thức thể hiện trên phương tiện điện tử. Riêng đối với các loại tranh, ảnh, bản đồ, áp phích, các loại lịch trên phương tiện điện tử nếu đưa vào quản lý dưới dạng xuất bản phẩm là không phù hợp dù đã giới hạn là các sản phẩm được xuất bản thông qua nhà xuất bản, do phạm vi quá rộng, nhiều loại tồn tại dưới dạng các nền tảng ứng dụng (bản đồ, lịch) trên các thiết bị đầu cuối gắn trên nhiều sản phẩm khác (bản đồ, lịch có trên điện thoại di động, phương tiện giao thông). Đặc biệt, việc quy định như trên gây nhiều khó khăn trong quản lý các sản phẩm nhập khẩu có chứa các nội dung ảnh, lịch, bản đồ. Vì thế, việc bỏ giải thích thuật ngữ: “xuất bản phẩm điện tử” để giải thích chung trong thuật ngữ “xuất bản phẩm”; đồng thời xác định rõ phạm vi quản lý là sách điện tử là cần thiết, giúp các nội dung thuật ngữ tường minh, phạm vi quản lý phù hợp, có tính khả thi.

- Việc chính xác thuật ngữ in xuất bản phẩm, phát hành xuất bản phẩm nhằm bảo đảm đúng với phạm vi điều chỉnh của Luật, từ đó tạo thuận lợi trong công tác quản lý cơ sở in xuất bản phẩm.

- Việc sửa đổi thuật ngữ lưu chiểu với việc xác định rõ thời gian lưu giữ 24 tháng tại cơ quan quản lý nhằm thống nhất thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính để làm rõ hơn thời gian sách được xác định là sách lưu chiểu, bảo đảm sau khi sách hết thời hạn lưu chiểu sẽ được luân chuyển, sử dụng hiệu quả, đúng quy định.

- Việc giải thích rõ thuật ngữ in lậu nhằm tạo cơ sở để xây dựng chế tài xử lý hành vi in lậu, đặc biệt là việc đưa hành vi in sản phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm nhưng không thông qua nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh vào hành vi in lậu để từ đó xây dựng các chế tài xử lý vi phạm.

- Việc bổ sung giải thích thuật ngữ cơ sở cung cấp dịch vụ phát hành trung gian nhằm bảo đảm sự thống nhất với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh, trong đó việc giải thích dựa trên các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ làm cơ sở để xây dựng các chế định điều chỉnh bởi thực tế cho thấy, đối với lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm, doanh nghiệp cung cấp các nền tảng số trung gian phát hành xuất bản phẩm giữ vai trò ngày càng quan trọng, là kênh phân phối, quảng bá sách chiếm tỷ trọng lớn[[4]](#footnote-4). Tuy nhiên, hiện nay, các doanh nghiệp cung cấp nền tảng số trung gian phát hành như Shoppe, Lazada… , đặc biệt là các nền tảng xuyên biên giới như Tiktok, Facebook… dù đã trở thành sàn phát hành xuất bản phẩm rất lớn nhưng chưa được luật quản lý chuyên ngành điều chỉnh mà chỉ thực hiện theo các quy định chung của doanh nghiệp và thương mại điện tử. Tình trạng nhiều đối tượng lợi dụng kẽ hở pháp luật, vi phạm bản quyền, không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế…. đang diễn ra trên các nền tảng này. Vì thế việc đưa vào quản lý theo Luật Xuất bản, làm rõ thuật ngữ “cơ sở phát hành dịch vụ trung gian phát hành, từ đó xây dựng các chế định trong Luật là cần thiết, tạo hành lang pháp lý để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm tiếp tục phát huy hiệu quả, thúc đẩy thị trường phát hành xuất bản phẩm phát triển mạnh mẽ, đúng định hướng.

***d. Hoàn thiện nội dung về quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất bản (Điều 6)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn:*

Giải pháp 2: Bổ sung, hoàn thiện quy định điều 6 Luật Xuất bản.

*Thứ hai, lý do lựa chọn:*

- Hiện nay, chuyển đổi số trở thành một yêu cầu, cũng là động lực phát triển hoạt động xuất bản trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đưa nội dung chuyển đổi số vào nội dung quản lý, bên cạnh nội dung nghiên cứu khoa học và công nghệ để nhấn mạnh tầm quan trọng của chuyển đổi số cũng như nâng cao vai trò, trách nhiệm các cấp các ngành, góp phần thể chế hoá quan điểm của Đảng tại Nghị quyết 52-NQ/TW của Trung ương Đản khoá XII về chuyển đổi số, đẩy mạnh thực hiện Chiến lược chuyển đổi số quốc gia của Chính phủ.

- Truyền thông, quảng bá để thúc đẩy thị trường xuất bản phẩm và văn hoá đọc giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của hoạt động xuất bản. Để nâng cao hiệu quả hoạt động này, Chính phủ mà trực tiếp là Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương cần được giao nhiệm vụ.

***đ. Hoàn thiện nội dung về chính sách của nhà nước đối với hoạt động xuất bản (Điều 7)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Luật Xuất bản

*Thứ hai, lý do lựa chọn*

- Theo quy định của Luật ngân sách, Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành, đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, ngoài hình thức đặt hàng còn có hình thức giao nhiệm vụ và đấu thầu. Để thống nhất với các văn bản pháp luật trên, cần bổ sung thêm nội dung “giao nhiệm vụ” và “đặt hàng” xuất bản phẩm vào các chính sách hỗ trợ đặt hàng của nhà nước để phục vụ nhiệm vụ chính trị theo quy định”; đồng thời bổ sung thêm đối tượng xuất bản phẩm hướng nghiệp, dạy nghề do đây là những nội dung quan trọng, cần được sự đầu tư của nhà nước để xuất bản, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động của người Việt Nam trong điều kiện mảng sách này chưa được nhiều nhà xuất bản và đơn vị liên kết xuất bản quan tâm, đầu tư, tổ chức xuất bản hiệu quả.

- Trên thực tế, xuất bản đã được sự ưu đãi về thuế (VAT) và thu nhập doanh nghiệp”. Việc bổ sung ưu đãi thuế vào nội dung trên nhằm thống nhất với các quy định chung về ưu đãi thuế đối với lĩnh vực xuất bản hiện nay. Ngoài ra, bổ sung thêm ưu đãi về tiền thuê nhà, đất vì tiền thuê đất, nhà thuộc sở hữu nhà nước đối với các nhà xuất bản là doanh nghiệp không phù hợp, vượt quá khả năng và lợi nhuận thực tế của hầu hết các nhà xuất bản; nhiều nhà xuất bản, trong đó có các nhà xuất bản có truyền thống đã phải dừng hoạt động do xuất phát từ nợ đọng tiền thuê đất, thuê nhà. Vì thế, việc bổ sung chính sách này là rất cần thiết.

- Việc tổ chức tuyển chọn và trao giải thưởng đối với các xuất bản phẩm có giá trị cao là một trong những giải pháp quan trọng để một mặt tôn vinh người viết sách, làm sách, đồng thời cổ vũ, động viên người đọc, phát triển văn hoá đọc. Thời gian qua, nhà nước giao cho nhiều cơ quan, đơn vị tổ chức đa dạng các hình thức tuyển chọn, trao thưởng cho các xuất bản phẩm có giá trị, trong đó có giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Giải thưởng sách Quốc gia. Qua các năm, Giải thưởng sách quốc gia và các giải thưởng khác đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Để phát huy kết quả tích cực đó, việc luật hoá đưa việc tổ chức tuyển chọn và trao giải thưởng đối với các xuất bản phẩm có giá trị cao trở thành một chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực xuất bản là cần thiết, góp phần thể chế hoá chủ trương của Đảng về nâng cao chất lượng nội dung xuất bản phẩm, đẩy mạnh phát triển văn hoá đọc.

- Thống nhất với các chính sách được bổ sung, phù hợp các đối tượng cần ưu tiên có đầu tư của nhà nước trong lĩnh vực in. Ngoài ra, việc bổ sung hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp nhằm đưa cơ sở in sớm tâp trung vào các khu công nghiệp, đáp ứng yêu cầu “Sắp xếp ngành xuất bản, in và phát hành theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiện đại hoá” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

- Việc bổ sung ưu đãi về tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước nhằm đảm bảo sự thống nhất trong quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, có tính khả thi, tạo điều kiện cho các cơ sở in phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác cho các đối tượng, khu vực cần ưu đãi theo quy định pháp luật.

- Trong điều kiện hiện nay, đặc biệt là với đặc thù về việc ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử để phát hành, việc ưu đãi quỹ đất không cần thiết. Trong khi đó, việc đầu tư, hiện đại hoá cơ sở vật chất, đặc biệt chú trọng vào ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ số lại rất cần thiết. Bên cạnh đó, thông tin đối ngoại là một trong nội dung rất quan trọng, cần ưu đãi để phục vụ các nhiệm vụ chính trị và văn hoá về đối ngoại, phát huy “sức mạnh mềm”. Vì vậy, việc bổ sung nội dung như trên góp phần hỗ trợ các đơn vị xuất bản có điều kiện phát huy nguồn lực, thực hiện các nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ quan trọng khác của Đảng, Nhà nước hiệu quả.

- Các quy định về hỗ trợ cước vận chuyển theo quy định của Luật không còn phù hợp. Thực tế, sau khi WTO có hiệu lực, Bộ Tài chính thống nhất không áp dụng trợ cước với hàng hoá nói chung, bao gồm cả trợ cước cho hoạt động phát hành sách. Theo đó, từ năm 2013 đến nay, Bộ Tài chính đã không còn hỗ trợ cước vận chuyển sách mà kinh phí được nằm chung trong kinh phí phát hành của các đề án sử dụng ngân sách nhà nước[[5]](#footnote-5).

 - Chuyển đổi số đang là nhiệm vụ vừa có tính cấp bách, vừa có tính chiến lược đối với sự phát triển hoạt động xuất bản. Ngoài chính sách ưu đãi với nhà xuất bản để xuất bản điện tử và xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý, việc bổ sung chính sách về ưu đãi với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số và hỗ trợ đào tạo nhân lực số là rất quan trọng, cần thiết.

***e. Hoàn thiện nội dung quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, đề cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản, các cơ quan chức năng liên quan và nhà xuất bản (Điều 9)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Luật Xuất bản

*Thứ hai, lý do lựa chọn*

Thời quan qua, bên cạnh các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo được xử lý theo quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo còn có nhiều đơn thư phản ánh, kiến nghị, đặc biệt là phản ánh kiến nghị về nội dung xuất bản phẩm, về công tác quản lý nhà nước. Tuy nhiên, đã xuất hiện hiện tượng các cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản và các đơn vị xuất bản né tránh, không xử lý, dẫn đến đơn thư kéo dài, gây bức xúc dư luận. Để ngăn chặn hiện tượng này, Luật cần quy định rõ trách nhiệm trả lời và xử lý đơn thư.

***f. Hoàn thiện nội dung về hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản (Điều 10)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp 2: Sửa đổi khoản 2 Điều 10 Luật Xuất bản

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

- Hiện nay, việc phát hiện chủ yếu nằm ở khâu phát hành lậu các sản phẩm từ in lậu. Do chưa có chế định nên hiện nay việc bắt và xử lý sản phẩm in lậu rất khó khăn, đặc biệt các sản phẩm dạng sách nhưng không thực hiện thông qua nhà xuất bản. Trên cơ sở khái niệm in lậu đã được giải thích và làm rõ, việc cấm phát hành các sản phẩm in lậu sẽ là chế định quan trọng giúp chế tài hành vi phát hành lậu sách, ngăn chặn có hiệu quả in lậu.

***g. Hoàn thiện nội dung về hành vi xử lý vi phạm trong hoạt động xuất bản***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp 2: Sửa đổi khoản 2 Điều 10 Luật Xuất bản

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Bổ sung hành vi bị xử lý gắn việc vi phạm các quy định pháp luật về an ninh, an toàn thông tin nhằm tăng cường an toàn thông tin và bảo vệ bản quyền trên không gian mạng

***h. Hoàn thiện nội dung về phí (Điều 22, Điều 41)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn:*

Giải pháp 2: sửa đổi, bổ sung nội dung phí vào *khoản 1 Điều 22, khoản 7 Điều 41*.

*Thứ hai, lý do lựa chọn:*

- Bình quân hằng năm, toàn ngành đăng ký cấp khoảng 70.000 -80.000 mã ISBN. Tuy nhiên, số lượng xuất bản phẩm được xuất bản chỉ khoảng 40.000 (chiếm từ 50-57%), tức là có khoảng 43-50% mã trả lại. Theo dự thảo, Luật Xuất bản sẽ bỏ thủ tục đăng ký xuất bản và chỉ thực hiện cấp mã số ISBN trên cơ sở đăng ký của nhà xuất bản. Để nâng cao hiệu quả sử dụng kho số ISBN trong điều kiện kho số hiện nay còn rất hạn chế[[6]](#footnote-6), với tổng số lượng còn lại khoảng, không gây áp lực lên hệ thống quản lý, việc bổ sung quy định về nộp phí ISBN là cần thiết. Việc quy định như trên cũng theo thông lệ quốc tế[[7]](#footnote-7).

- Quy định hiện hành là chi phí dẫn đến trên thực tế, các cơ quan chức năng thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh không có đủ kinh phí và nguồn lực để thẩm định xuất bản phẩm không kinh doanh. Bên cạnh đó, xuất hiện hiện tượng một số tổ chức, cá nhân thực hiện nhập khẩu không kinh doanh nhưng thực chất đưa vào kinh doanh thông qua hệ thống cơ sở đào tạo, hội nghị, hội thảo. Việc làm này nhằm trốn nghĩa vụ nộp phí thẩm định đối với xuất bản phẩm kinh doanh (nếu thuộc trường hợp phải thẩm định). Thời gian tới, với sự phát triển của các nền tảng thương mại điện tử, hoạt động nhập khẩu không kinh doanh ngày càng lớn, gây áp lực lên hoạt động quản lý, ảnh hưởng đến việc phục vụ nhu cầu của nhân dân. Vì thế, việc quy định phí thẩm định đối với các xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh như đối với xuất bản phẩm kinh doanh là cần thiết.

**B. CHÍNH SÁCH 2: NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ XUẤT BẢN, CƠ SỞ IN, CƠ SỞ PHÁT HÀNH, THỰC HIỆN CHỦ TRƯƠNG XÂY DỰNG NGÀNH XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH THÀNH NGÀNH KINH TẾ - CÔNG NGHỆ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN, VỮNG CHẮC**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

*a. Đối tượng thành lập theo quy định còn bất cập, việc giới hạn các đối tượng thành lập theo quy định (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, hội chính trị - xã hội – nghề nghiệp) hiện nay* dẫn đến do những quy định về đầu tư ngân sách và quản lý tài sản công nên có nhiều hạn chế về nguồn lực đầu tư. Việc cho phép một bộ phận doanh nghiệp nhà nước tham gia sẽ mở ra cơ hội đầu tư để đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa và chuyển đổi số của ngành. Tuy nhiên, cần có quy định tiêu chí cụ thể để triển khai hiệu quả, tránh tình trạng lạm dụng, buông lỏng quản lý.

- Nguyên nhân: Thời điểm Luật Xuất bản 2012 ban hành mới giới hạn đối tượng thành lập là các cơ quan nhà nước, một số tổ chức ở Trung ương và địa phương; chưa mở rộng đến đối tượng doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên với sự phát triển của ngành xuất bản trong thời gian qua; đứng trước yêu cầu của chuyển đổi số, việc mở rộng đối tượng thành lập là doanh nghiệp cần được đặt ra để hướng đến thực hiện chủ trương của Đảng là: “Tiếp tục rà soát, bổ sung và thực hiện tốt quy hoạch ngành xuất bản; tập trung xây dựng tiềm lực và năng lực của hoạt động xuất bản; nâng cao hiệu quả kinh tế của xuất bản, in và phát hành, xây dựng các mô hình và cơ cấu mới phù hợp với sự phát triển của công nghiệp xuất bản hiện đại: thí điểm xây dựng các tập đoàn xuất bản, tổ hợp xuất bản - báo chí, nghiên cứu hoàn chỉnh mô hình doanh nghiệp làm nhiệm vụ xuất bản”[[8]](#footnote-8).

- Hậu quả: Gây khó khăn huy động các nguồn lực để hiện đại hoá và chuyển đổi số ngành xuất bản.

*b. Điều kiện thành lập còn bất cập, chưa có quy định bảo đảm việc thành lập nhà xuất bản tuân thủ quy hoạch cả nước của Chính phủ và quy hoạch của các địa phương.*

- Nguyên nhân: Thời điểm ban hành Luật Xuất bản 2012 chưa có Luật Quy hoạch.

- Hậu quả: Không thống nhất với Luật Quy hoạch; gây khó khăn cho thống nhất chung về xây dựng và phát triển ngành.

*c. Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ quản nhà xuất bản còn bất cập,**chưa có quy định về trách nhiệm trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo nhà xuất bản đối với cơ quan chủ quản nhà xuất bản, chưa quy định trách nhiệm của cơ quan chủ quản nhà xuất bản về giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, khen thưởng, kỷ luật của nhà xuất bản, chưa quy định việc đặt hàng, giao nhiệm vụ xuất bản xuất bản phẩm cho nhà xuất bản trực thuộc phục vụ các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.*

- Nguyên nhân: Luật Xuất bản 2012 chưa bao quát hết các vấn đề. Trong khi đó, thực tiễn thời gian qua cho thấy một số cơ quan chủ quản chưa quan tâm đúng mức đến công tác cán bộ; chưa quan tâm đầu tư xây dựng bản thảo chất lượng phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan chủ quản, ngành và lĩnh vực do cơ quan chủ quản quản lý; chưa chỉ đạo kịp thời đơn vị xuất bản trực thuộc giải quyết đơn thư kiến nghị, phản ánh của tổ chức và cá nhân;

- Hậu quả: Việc thiếu quan tâm đúng mức đến quy hoạch, đào tạo, và bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo dẫn đến có sự thiếu hụt, đặc biệt có trường hợp thiếu nhân sự lãnh đạo thời gian dài ở một số nhà xuất bản, gây khó khăn trong hoạt động của nhà xuất bản; việc đầu tư theo các hình thức giao đặt hàng, giao nhiệm vụ xuất bản xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan chủ quản việc cơ quan chủ quản còn hạn chế, nhiều cơ quan qua nhiều năm không được đầu tư tổ chức bản thảo và xuất bản; chưa xác định hết trách nhiệm trong giải quyết đơn thư phản ánh, kiến nghị còn xảy ra dẫn đến đơn thư kéo dài, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý,

*d. Tiêu chuẩn bổ nhiệm còn bất cập, chưa thống nhất so với Quy định số 100-QĐ/TW của Ban Bí thư đối với các chức danh tổng giám đốc (giám đốc) và tổng biên tập nhà xuất bản liên quan đến các tiêu chuẩn như*: thời gian kinh nghiệm công tác, lĩnh vực kinh nghiệm công tác, tiêu chuẩn về lý luận chính trị, việc kiêm nhiệm.

- Nguyên nhân: Quy định 100-QĐ/TW mới ban hành ngày 28/02/2023 nên Luật Xuất bản 2012 không thống nhất.

- Hậu quả: Thiếu thống nhất giữa văn bản của Đảng và Luật gây khó khăn trong tổ chức thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật nhân sự lãnh đạo Nhà xuất bản.

*đ. Việc quản lý hoạt động liên kết xuất bản còn bất cập, can thiệp sâu vào hoạt động liên kết ảnh hưởng đến sự giải phóng năng lực sản xuất và tính chủ động của nhà xuất bản và đơn vị liên kết.*

- Nguyên nhân: Luật Xuất bản 2012 chưa bao quát vấn đề; trong khi đó, hiện nay hoạt động liên kết đã có bước phát triển mới[[9]](#footnote-9), đòi hỏi cần có giải pháp quản lý phù hợp đòi hỏi của kinh tế thị trường.

- Hậu quả: Ảnh hưởng năng lực sản xuất và tính chủ động của nhà xuất bản và đơn vị liên kết.

*e.* *Bất cập trong quản lý thông tin trên xuất bản phẩm (Điều 27) và quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử (Điều 30).*

- Nguyên nhân:

+ Luật Xuất bản 2012 không bao quát hết vấn đề, quy định quá chi tiết, cụ thể về thông tin và vị trí thông tin trên xuất bản phẩm dạng sách, can thiệp vào quyền của Nhà xuất bản. Trong khi đó, một số quy định là cứng nhắc không phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường và sự phát triển hoạt động xuất bản thời gian qua như: thông tin trên bìa 1, tên mà không cho phép ghi bút danh, thiếu quy định về sách lưu hành nội bộ.

+ Luật Xuất bản 2012 quy định không cho phép quảng cáo trên xuất bản phẩm nhằm bảo vệ giá trị lâu dài của sách, bảo đảm giá trị trao truyền đến các thế hệ toàn vẹn, đầy đủ, không bị ảnh hưởng các thông tin khác. Đây cũng là tập quán quốc tế đối với sách. Tuy nhiên, với sự phát triển của công nghệ, sự ra đời của xuất hiện các loại hình xuất bản điện tử, đặc biệt là xuất bản trực tuyến trên mạng Internet, đòi hỏi có cách tiếp cận mới, phù hợp với sự phát triển. Theo đó, việc quảng cáo trên các nền tảng xuất bản và phát hành, quảng cáo trong các nội dung xuất bản phẩm là cần thiết song cũng cần giới hạn ở nội dung, dung lượng, thời lượng nhất định nhằm đảm bảo thuộc tính văn hoá tư tưởng của xuất bản.

- Hậu quả: Làm ảnh hưởng đến quảng bá thương hiệu, sản phẩm và việc thu hút nguồn lực cho phát triển xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử.

*f. Chưa cho phép nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào in xuất bản phẩm để thu hút nguồn vốn và công nghệ.*

- Nguyên nhân: Luật Xuất bản 2012 quy định nhằm bảo vệ thị trường trong nước. Tuy nhiên, với sự phát triển của ngành, sự mở cửa của thị trường Việt Nam, việc nghiên cứu, với yêu cầu triển khai từng bước, theo lộ trình để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thực hiện hiện đại hoá ngành cần được đặt ra.

- Hậu quả: Không thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài để hiện đại hoá ngành in; gây khó khăn trong quản lý vì thực tế hiện nay việc các cơ sở in xuất bản phẩm tham gia thị trường chứng khoán đã diễn ra và việc các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo Luật Chứng khoán được phép mua cổ phần, bao gồm cổ phần của các cơ sở in xuất bản phẩm.

*g. Bất cập chưa có quy định về thành lập chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm; chưa có quy định về thời hạn giấy phép nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, rà soát sắp xếp lại các cơ sở in theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiện đại hoá, hạn chế tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh của các cơ sở in không đủ điều kiện hoạt động (Điều 32).*

- Nguyên nhân:

+ Luật Xuất bản 2012 chưa bao quát hết dẫn đến chưa có quy định về chi nhánh cơ sở in.

+ Sự phát triển nhanh về số lượng cơ sở in thời gian qua trong khi do hạn chế về số lượng nhân lực, nhiều tỉnh, thành địa phương, nhất là các địa phương có nhiều cơ sở in xuất bản phẩm hoạt động gặp khó khăn trong theo dõi, quản lý.

- Hậu quả:

+ Gây khó khăn cho cơ sở in xuất bản phẩm muốn phát triển chi nhánh ở các tỉnh, thành khác nơi trụ sở chính được cấp phép hoạt động.

+ Là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiều cơ sở in sau khi cấp phép đã không hoạt động, hoặc không còn đủ điều kiện hoạt động, tạo ra thị trường cạnh tranh thiếu lành mạnh, in lậu, xâm phạm bản quyền.

*h. Bất cập trong quản lý đối tượng là doanh nghiệp trung gian cung cấp dịch vụ trung (nền tảng số trung gian) phát hành xuất bản phẩm, chưa đưa vào đối tượng quản lý, chưa có chế định quản lý đối tượng này nhằm bảo đảm lành mạnh hóa thị trường, thúc đẩy thương mại điện tử trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm*

- Nguyên nhân: Luật Xuất bản năm 2012 chưa bao quát vấn đề; hiện nay, các nền tảng số trung gian phát hành xuất bản phẩm phát triển rất mạnh và thực hiện theo Luật giao dịch điện tử và các quy định khác về thương mại điện tử. Tuy nhiên, do không có quy định pháp luật chuyên ngành nên việc quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm khó khăn.

- Hậu quả: Xuất hiện các hiện tượng sàn thương mại điện tử để các tổ chức, cá nhân lợi dụng để buôn bán sách lậu, giải gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

a. Khắc phục hạn chế về đối tượng thành lập nhà xuất bản nhằm tăng cường năng lực đầu tư, triển khai công nghệ của cơ quan chủ quản đối với nhà xuất bản trực thuộc, qua đó nâng cao năng lực hoạt động của nhà xuất bản, đáp ứng yêu cầu của chuyền đổi số*.*

b.Khắc phục hạn chế về điều kiện thành lập nhằm bảo đảm việc thành lập nhà xuất bản tuân thủ qui hoạch cả nước của Chính phủ và qui hoạch của các địa phương.

c. Khắc phục hạn chế về thực hiện trách nhiệm của chủ quản trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư đặt hàng xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị cho nhà xuất bản và xác định trách nhiệm của chủ quản trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về nhà xuất bản.

d. Khắc phục hạn chế về sự thiếu thống nhất giữa các quy định của Đảng và Luật Xuất bản, về công tác cán bộ trong lĩnh vực xuất bản, hoàn thiện các tiêu chuẩn Giám đốc, Tổng giám đốc, Tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các nhà xuất bản.

đ. Khắc phục các hạn chế về quản lý liên kết xuất bản nhằm giải phóng năng lực sản xuất, tăng cường chủ động của nhà xuất bản và đơn vị liên kết, nâng cao hiệu quả kinh tế xuất bản.

e. Khắc phục hạn chế về tính chủ động của nhà xuất bản trong việc xác định các nội dung thông tin trên xuất bản phẩm; tính thực tiễn trong quản lý quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử nhằm thu hút nguồn lực xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản.

f. Khắc phục hạn chế về đầu tư vào lĩnh vực in xuất bản phẩm trên nguyên tắc vừa thu hút nguồn lực đầu tư và công nghệ nước ngoài, vừa bảo vệ thị trường thực hiện hiện đại hóa các cơ sở in xuất bản phẩm, tham gia nhanh vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

g. Khắc phục hạn chế về việc quản lý chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm và rà soát, cấp phép hoạt động in xuất bản phẩm.

h. Khắc phục hạn chế về việc quản lý đối tượng là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (nền tảng số trung gian) trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm nhằm bảo đảm lành mạnh hóa thị trường, thúc đẩy thương mại điện tử trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm.

**3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

***a. Hoàn thiện nội dung quy định về đối tượng thành lập nhà xuất bản (Điều 12)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 12 về đối tượng thành lập nhà xuất bản. Cụ thể: *“a) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ quy định”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có sự ổn định, thuận lợi cho quản lý.

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Chưa thể chế hoá đầy đủ quan điểm chỉ đạo của Đảng về *“xây dựng các mô hình và cơ cấu mới phù hợp với sự phát triển của công nghiệp xuất bản hiện đại: thí điểm xây dựng các tập đoàn xuất bản, tổ hợp xuất bản - báo chí, nghiên cứu hoàn chỉnh mô hình doanh nghiệp làm nhiệm vụ xuất bản”[[10]](#footnote-10);*

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Hạn chế thiếu nguồn lực đầu tư lớn từ chủ quản đề phát triển nhà xuất bản theo hướng hiện đại, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng mô hình tập đoàn, tổ hợp xuất bản, nhà xuất bản số, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của ngành xuất bản.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Mở rộng cho phép nhà nước khai thác nguồn lực đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước với quy mô và lĩnh vực phù hợp, thực hiện chủ trương của Đảng, thực hiện nhanh và hiệu quả hơn hiện đại hoá, chuyển đổi số nhà xuất bản; mở ra cơ hội xây dựng các tập đoàn, tổ hợp xuất bản hiện đại.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của nhà xuất bản.

(3) Đối với nhà xuất bản: Có nguồn lực đầu tư từ chủ quản để hiện đại hoá, chuyển đổi số, nâng cao quy mô và năng lực hoạt động.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Mở rộng đối tượng quản lý tiềm ẩn rủi ro về việc quản lý đối với doanh nghiệp là cơ quan chủ quản. Vì vậy cần giao cho Chính phủ quy định cụ thể về quy mô và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Trước mắt, Bộ Thông tin và Truyền thông giới hạn trong phạm vi các tập đoàn, doanh nghiệp lớn của Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có). Không phát sinh.

***b. Hoàn thiện nội dung quy định về điều kiện thành lập (Điều 13)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi quy định về điều kiện thành lập, bổ sung điều kiện thành lập phải phù hợp qui hoạch. *(khoản 4, Điều 13).* Cụ thể: *“4. Phù hợp với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Tạo sự không không nhất giữa Luật Quy hoạch và Luật Xuất bản.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân:Không có.

(3) Đối với nhà xuất bản: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không thống nhất giữa các văn bản pháp luật; gây khó khăn cho các cơ quan quản lý hoạt động xuất bản trong cấp phép hoạt động.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với nhà xuất bản: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Thống nhất quy định pháp luật, tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước trong cấp phép và quản lý hoạt động của nhà xuất bản.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với nhà xuất bản: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh.

***c. Hoàn thiện nội dung quy định về trách nhiệm của chủ quản (Điều 16)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

*“Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản*

*3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo nhà xuất bản.*

*4. Chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, phương hướng hoạt động của nhà xuất bản; giám sát nhà xuất bản thực hiện đúng giấy phép thành lập nhà xuất bản; đặt hàng, giao nhiệm vụ xuất bản xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan chủ quản cho nhà xuất bản trực thuộc;*

*5. Thanh tra, kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; khen thưởng, kỷ luật của nhà xuất bản theo thầm quyền”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Do không có quy định nhiệm vụ nên nhà xuất bản gặp khó khăn nếu cơ quan chủ quản thiếu quan tâm trong qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo, từ đó dẫn đến thiếu hụt lãnh đạo khi có nhu cầu bổ nhiệm.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Ràng buộc trách nhiệm của cơ quan chủ quản, từ đó nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của cơ quan chủ quản nhà xuất bản.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển ổn định của nhà xuất bản.

(3) Đối với nhà xuất bản: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo sự phát triển ổn định.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh.

***d. Hoàn thiện nội dung quy định về tiêu chuẩn giám đốc, tổng giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản (Điều 17)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về tiêu chuẩn chính trị, tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước cho giám đốc, tổng giám đốc, tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản (điểm b khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 17); sửa đổi, bổ sung nội dung kinh nghiệm quản lý theo hướng giảm thời gian và mở rộng lĩnh vực hoạt động được xem xét có kinh nghiệm (điểm c khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 17); bổ sung quy định hạn chế người đứng đầu cơ quan chủ quản nhà xuất bản không được kiêm giữ chức vụ nguời đứng đầu nhà xuất bản; lãnh đạo nhà xuất bản này không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo nhà xuất bản khác (khoản 4 Điều 17). Cụ thể:

*“Điều 17 tiêu chuẩn giám đốc, tổng giám đốc, tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản*

*“1. Tiêu chuẩn đối với tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản: b) Có trình độ đại học trở lên; có trình độ lý luận chính trị cao cấp và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản; c) Có ít nhất 02 năm làm một trong các công việc biên tập, quản lý xuất bản hoặc báo chí; chỉ đạo, quản lý tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản*

*2. Tiêu chuẩn đối với tổng biên tập nhà xuất bản a) Có trình độ lý luận chính trị cao cấp; chứng chỉ hành nghề biên tập, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản; b) Có ít nhất 02 năm làm một trong các công việc biên tập, quản lý, xuất bản hoặc báo chí, chỉ đạo quản lý tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản.*

*4. Người đứng đầu cơ quan chủ quản nhà xuất bản không được kiêm giữ chức vụ nguời đứng đầu nhà xuất bản; lãnh đạo nhà xuất bản này không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo nhà xuất bản khác.”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có. Tuy nhiên, có sự không thống nhất với các văn bản của Đảng về hoạt động xuất bản

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân:Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Chưa thể chế hoá đầy đủ quan điểm chỉ đạo của Đảng, gây khó khăn cho cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản nhà xuất bản trong triển khai bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với nhà xuất bản: Gây khó khăn nhà xuất bản trong tổ chức thực hiện bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: sửa đổi, bổ sung Điều 12 Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, đối với hệ thống văn bản chỉ đạo của Đảng, tạo sự thống nhất.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: thống nhất giữa các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tạo điều kiện cho các cơ quan chỉ đạo, quản lý, cơ quan chủ quản thuận lợi, thống nhất trong triển khai qui trình bổ nhiệm.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của nhà xuất bản.

(3) Đối với nhà xuất bản: Thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với nhà xuất bản: Việc hạn chế chủ quản kiêm nhiệm phù hợp nhằm đảm bảo nhà xuất bản có lãnh đạo chuyên trách; tuy nhiên sẽ gây ra một số phức tạp trong trường hợp nhà xuất bản có khó khăn về nhân sự.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh.

***đ. Hoàn thiện nội dung quản lý liên kết xuất bản (Điều 23)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung quản lý liên kết xuất bản, bổ sung đối tượng liên kết với nhà xuất bản là các cơ sở cung cấp nền tảng trung gian phát hành nội dung liên kết là cung cấp nền tảng trung gian phát hành (điểm b khoản 1; điểm d khoản 2 Điều 23); bỏ nội dung hợp đồng liên kết phải theo mẫu (điểm b, khoản 2 Điều 23) và cho phép liên kết biên tập mọi loại tác phẩm, tài liệu trên cơ sở bỏ nội dung liên kết biên tập sơ bộ và các loại tác phẩm, tài liệu không được phếp liên kết biên tập sơ bộ (điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 23). Cụ thể:

*“1. Nhà xuất bản được liên kết với tổ chức, cá nhân (gọi chung là đối tác liên kết) sau đây để xuất bản đối với từng xuất bản phẩm:*

*b) Nhà xuất bản, cơ sở in xuất bản phẩm, cơ sở phát hành xuất bản phẩm; cơ sở cung cấp nền tảng trung gian phát hành.*

*2. Hình thức liên kết của nhà xuất bản với đối tác liên kết bao gồm:*

b) Biên tập bản thảo *~~sơ bộ~~;*

*đ) Cung cấp nền tảng trung gian phát hành*

*3. Việc liên kết chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:*

*b) Có hợp đồng liên kết xuất bản giữa nhà xuất bản và đối tác liên kết. ~~Hợp đồng liên kết phải có các nội dung cơ bản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông~~*

*~~4. Đối với tác phẩm, tài liệu có nội dung về lý luận chính trị, lịch sử, tôn giáo, chủ quyền quốc gia, hồi ký thì nhà xuất bản không được liên kết biên tập sơ bộ bản thảo.”.~~*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Việc can thiệp sâu vào hoạt động kinh tế của nhà xuất bản, không phù hợp với thực tiễn dẫn đến nhà xuất bản, đơn vị liên kết và cơ sở in phải triển khai hợp đồng 3 bên với các quy định không chặt chẽ, tạo rủi ro về việc chốn thuế, phát sinh chi phí, khó khăn trong xử lý vi phạm.

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Làm ảnh hưởng đến tính chủ động của doanh nghiệp, phát sinh chi phí, gây khó khăn trong tổ chức hoạt động liên kết.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: sửa đổi, bổ sung Điều 12 Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Thực hiên nguyên tắc quản lý trong điều kiện kinh tế thị trường; thuận lợi trong thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của nhà xuất bản.

(3) Đối với doanh nghiệp: Quy định tường minh giúp nhà xuất bản và đơn vị liên kết, cơ sở in thuận lợi tổ chức và hoạt động; bảo đảm quyền và lợi ích các bên trong giao kết hợp đồng.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Việc mở rộng cho phép thực hiện theo nguyên tắc giao kết hợp đồng kinh tế giúp cho doanh nghiệp thuận lợi; tuy nhiên, đối với những doanh nghiệp cố tình vi phạm pháp luật, sẽ lợi dụng để trốn tránh trách nhiệm, xâm phạm bản quyền đòi hỏi vai trò cao hơn của nhà xuất bản trong giao kết hợp đồng và trách nhiệm thanh tra, kiểm tra của cơ quản lý hoạt động xuất bản các cấp.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có). Không phát sinh.

 ***e. Hoàn thiện nội dung quy định về quản lý thông tin trên xuất bản phẩm (Điều 27) và quản lý quảng cáo trên xuất bản phẩm (Điều 30)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin trên xuất bản phẩm bổ sung cho phép ghi bút danh đối với tác giả, người dịch, biên tập viên; yêu cầu ghi rõ sách lưu hành nội bộ đối với các xuất bản phẩm không bán và sử dụng trong nội bộ; tăng quyền chủ động của nhà xuất bản đối với cung cấp thông tin trên bìa sách để phù hợp với yêu cầu thị trường, thu hút bạn đọc. Cụ thể:

*“1. Trên xuất bản phẩm dưới dạng sách phải ghi các thông tin sau đây:*

*a)* Tên sách,tên *hoặc bút danh*tác giả, hoặc người biên soạn, người chủ biên (nếu có), tên *hoặc bút danh* người dịch (nếu là sách dịch), người phiên âm (nếu là sách phiên âm từ chữ Nôm); tên nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản;

*b) Tên và địa chỉ của tổ chức, họ tên cá nhân liên kết xuất bản (nếu có); họ tên người hiệu đính (nếu có); năm xuất bản, số thứ tự của tập; ~~đối với sách dịch, phải ghi tên nguyên bản; nếu dịch từ ngôn ngữ khác với ngôn ngữ nguyên bản thì phải ghi rõ dịch từ ngôn ngữ nào;~~*

*c) Họ tên và chức danh của tổng giám đốc (giám đốc) chịu trách nhiệm xuất bản; họ tên và chức danh của tổng biên tập chịu trách nhiệm nội dung; họ tên hoặc bút danh biên tập viên; khuôn khổ sách, số xác nhận đăng ký xuất bản, số quyết định xuất bản của tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản hoặc số giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; họ tên hoặc bút danh người trình bày, minh họa; họ tên người biên tập kỹ thuật, họ tên người sửa bản in; số lượng in; tên và địa chỉ cơ sở in; thời gian nộp lưu chiểu; mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN);*

*d) Đối với sách kinh doanh phải ghi giá bán lẻ; đối với sách do Nhà nước đặt hàng phải ghi là “sách Nhà nước đặt hàng”; đối với sách không kinh doanh phải ghi là “sách không bán”, đối với sách lưu hành nội bộ ghi là “sách lưu hành nội bộ”.*

*3. Thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải ghi trên bìa một của sách ~~và không được ghi thêm thông tin khác;~~ thông tin quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải ghi trên cùng một trang sách; thông tin quy định tại điểm d khoản 1 Điều này phải ghi trên bìa bốn của sách.*

*4. Tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản quyết định việc ghi các thông tin khác với quy định của điểm a khoản 1 tại vị trí bìa một cuốn sách và vị trí ghi các thông tin quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trên xuất bản phẩm, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này”.*

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý quảng cáo, bổ sung quy định về quản lý quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử với quy định giới hạn về dung lượng và thời lượng. Cụ thể: *“3. Việc quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo quy định sau đây: a) Không quảng cáo trên sách điện tử trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. b) Sách nói, sách dạng video được quảng cáo với thời lượng không được vượt quá 5% tổng thời lượng cuốn sách.”*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có sự ổn định, thuận lợi cho quản lý.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Hạn chế quyền chủ động của nhà xuất bản; hạn chế nguồn lực đầu tư lớn từ xã hội để thực hiện mục tiêu hiện đại hoá ngành.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 27, Điều 30 Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Việc chỉ cho quảng cáo ở xuất bản phẩm điện tử mà không mở rộng sang xuất bản phẩm truyền thông nhằm tăng nguồn lực đầu tư từ xã hội nhưng không làm giảm đi giá trị lưu giữ, truyền bá lâu dài của xuất bản phẩm.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của nhà xuất bản.

(3) Đối với nhà xuất bản: Tăng tính chủ động cho nhà xuất bản; tạo cơ hội để thu hút nguồn lực đầu tư hiện đại hoá, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, nâng cao qui mô và năng lực hoạt động của nhà xuất bản.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh.

***f. Hoàn thiện nội dung quy định về đầu tư vào lĩnh vực in xuất bản phẩm (Điều 32)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi, bổ sung quy định về hạn chế đầu tư vào lĩnh vực in xuất bản, mở rộng cho phép đầu tư FDI vào lĩnh vực in nhưng có giới hạn về tỷ lệ đầu tư nhằm vừa thu hút nguồn lực, vừa bảo vệ và phát triển doanh nghiệp trong nước theo hướng bỏ quy định về điều kiện người đứng đầu cơ sở in phải là công dân Việt Nam nhưng cơ sở in có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không chiếm tỷ lệ chi phối (điểm a, c khoản 1 Điều 32). Cụ thể: “1. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bao gồm: a) Người đứng đầu cơ sở in thường trú *hợp pháp* tại Việt Nam, *có năng lực hành vi dân sự đầy đủ*, có nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật; *c) Cơ sở in có vốn đầu tư nước ngoài, vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ chi phối theo quy định của pháp luật về đầu tư;”*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có sự ổn định, thuận lợi cho quản lý.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có

(3) Đối với doanh nghiệp: Hạn chế thiếu nguồn lực đầu tư lớn từ xã hội để thực hiện mục tiêu hiện đại hoá ngành.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 32 Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực in, thúc đẩy ngành in phát triển.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của cơ sở in.

(3) Đối với cơ sở in: Có nguồn lực vốn và công nghệ hiện đại hoá từ nàh đầu tư nước ngoài, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, nâng cao qui mô và năng lực hoạt động của cơ sở in.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Phải tăng cường quản lý, đặc biệt các doanh nghiệp tham gia in xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị; tham gia in xuất khẩu xuất bản phẩm.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với cơ sở in xuất bản phẩm trong nước: sẽ bị cạnh tranh bởi các doanh nghiệp liên doanh để tồn tại và phát triển.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không phát sinh.

***g. Hoàn thiện nội dung qui đinh về thành lập chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm và bổ sung quy định về thời hạn giấy phếp hoạt động (Điều 31, Điều 32)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bổ sung khoản 1 Điều 31: *“1. Cơ sở in xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, chi nhánh của các loại hình này và hộ kinh doanh trực tiếp thực hiện đầy đủ hoặc từng công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm” và điểm c, khoản 3 Điều 32: “c) Đối với các cơ sở in ở địa phương là chi nhánh có thực hiện chế bản, in, gia công sau in đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh thực hiện cấp giấy phép hoạt động in”*

+ Sửa đổi khoản 5 Điều 32 với nội dung mới *“5. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp và được gia hạn mỗi lần không quá 05 năm”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu công cụ để quản lý hiệu quả chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm; gây khó khăn để rà soát, quản lý thuận lợi, hiệu quả cơ sở in xuất bản phẩm sau khi được cấp phép hoạt động,

(2) Đối với người dân: Gián tiếp chịu tác động do chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm chưa được đưa vào quản lý; các cơ sở in xuất bản phẩm sau khi được cấp phép không được quản lý hiệu quả.

(3) Đối với doanh nghiệp: Cơ sở in xuất bản phẩm gặp khó khăn khi muốn thành lập chi nhánh, ảnh hưởng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; các cơ sở in xuất bản phẩm gặp khó khăn do một số cơ sở in không đủ điều kiện vẫn hoạt động, tạo thị trường cạnh tranh thiếu lành mạnh, tiềm ẩn điều kiện dẫn đến tình trạng in lậu.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Bổ sung Điều 31,32,

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có công cụ quản lý để quản lý hiệu quả hơn hoạt động xuất bản, đặc biệt là quản lý hoạt động phát hành trên các nền tảng thương mại điện tử (bao gồm cả các nền tảng xuyên biên giới).

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của thị trường sách được quản lý hiệu quả, phát triển lành mạnh.

(3) Đối với doanh nghiệp: Cơ sở phát hành làm ăn nghiêm túc được bảo vệ; tuy nhiên, với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm phải thêm thủ tục hành chính.

Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Phát sinh thủ tục hành chính, thực hiện cấp đổi, cấp lại.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Phát sinh thủ tục hành chính khi cấp lại. Tuy nhiên, với việc áp dụng cổng dịch vụ công trực tuyến và việc đơn giản hoá hồ sơ, chi phí phát sinh thấp, không gây khó khăn cho doanh nghiệp.

***h. Hoàn thiện nội dung quy định về quản lý doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (nền tảng số trung gian) trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Điều 44b).***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 2: Bổ sung Điều 44b như sau:

Bổ sung quy định về quản lý doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (nền tảng số trung gian) trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm nhằm, đưa các doanh nghiệp này vào đối tượng quản lý, bảo đảm sự phát triển lành mạnh của thị trường xuất bản phẩm. (Điều 44b). Cụ thể:

*“Điều 44b. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm*

*1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm trong suốt quá trình hoạt động phải bảo đảm các điều kiện sau:*

*a) Có giấy xác nhận đăng ký cung cấp nền tảng số trung gian phát hành xuất bản phẩm.*

*b) Chỉ cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 36 Luật này.*

*c) Tuân thủ các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, an toàn an ninh mạng, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và các quy định pháp luật có liên quan.*

*2. Trước khi hoạt động cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm phải lập hồ sơ đăng ký hoạt dộng cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông.*

*3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định thủ tục, hồ sơ đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm.”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu công cụ để quản lý hiệu quả đối tượng có tác động lớn đến hoạt động xuất bản.

(2) Đối với người dân: Thiếu cơ chế giám sát bảo vệ quyền và lợi ích người tiêu dùng đối với xuất bản phẩm.

(3) Đối với doanh nghiệp: Các nhà xuất bản, cơ sở phát hành làm ăn nghiêm túc, đúng pháp luật sẽ đối mặt với nhiều đơn vị không chấp hành nghiêm pháp luật, lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh xâm phạm bản quyền trong bối cảnh cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành không có ràng buộc đầy đủ về trách nhiệm bảo vệ bản quyền.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Bổ sung Điều 44b Luật Xuất bản.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có công cụ quản lý để quản lý hiệu quả hơn hoạt động xuất bản, đặc biệt là quản lý hoạt động phát hành trên các nền tảng thương mại điện tử (bao gồm cả các nền tảng xuyên biên giới).

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của thị trường sách được quản lý hiệu quả, phát triển lành mạnh.

(3) Đối với doanh nghiệp: Cơ sở phát hành làm ăn nghiêm túc được bảo vệ; tuy nhiên, với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm phải thêm thủ tục hành chính.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Phát sinh thủ tục hành chính dành cho các cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành. Tuy nhiên, với việc triển khai thủ tục hành chính dưới hình thức đăng ký trên cổng dịch vụ công trực tuyến, thời gian ngắn 05 ngày, không làm phát sinh chi phí lớn cho đơn vị.

**4. Kiến nghị lựa chọn giải pháp**

***a. Hoàn thiện nội dung quy định về đối tượng thành lập nhà xuất bản (Điều 12)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung Điều 12.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp:*

Hiện nay, các đối tượng thành lập theo quy định (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, hội chính trị - xã hội - nghề nghiệp) do những quy định về đầu tư ngân sách và quản lý tài sản công nên có nhiều hạn chế về nguồn lực đầu tư. Việc cho phép một bộ phận doanh nghiệp nhà nước tham gia sẽ mở ra cơ hội đầu tư để đẩy nhanh quá trìn hiện đại hóa và chuyển đổi số của ngành. Tuy nhiên, do xuất bản là lĩnh vực tư tưởng – văn hoá nên việc đưa doanh nghiệp nhà nước thành đối tượng thành lập và cơ quan chủ quản nhà xuât bản cần có quy định chặt chẽ với các tiêu chí cụ thể để triển khai hiệu quả, tránh tình trạng lạm dụng, buông lỏng quản lý. Theo quan điểm của Bộ Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp này phải là công ty tập đoàn của nhà nước hoặc công ty mẹ của các tập đoàn kinh tế lớn do nhà nước là chủ sở hữu, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ, thông tin và truyền thông gắn với yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản.

***b. Hoàn thiện nội dung quy định về điều kiện thành lập (Điều 13)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung Điều 13.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp:*

Theo Luật Quy hoạch, Chính phủ hiện giao cho các bộ, ngành, địa phương xây dựng qui hoạch. Vì thế, việc bổ sung điều kiện này là cần thiết, tạo sự thống nhất với các quy định của Luật quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của hoạt động xuất bản.

***c. Hoàn thiện nội dung quy định về tiêu chuẩn giám đốc, tổng giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản (Điều 17)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung Điều 17.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp:*

Thống nhất với Quy định 100-QĐ/TW ngày 28/2/2023 về bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo nhà xuất bản, tạo thuận lợi cho nhà xuất bản, cơ quan chủ quản nhà xuất bản, cơ quan quản lý (Bộ Thông tin và Truyền thông) và cơ quan chỉ đạo (Ban Tuyên giáo Trung ương).

***d. Hoàn thiện nội dung quy định về trách nhiệm của chủ quản (Điều 16)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: sửa đổi, bổ sung Điều 16.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp:*

Đối với việc bổ sung nhiệm vụ qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo: thời gian qua, hiện tượng thiếu hụt nhân sự lãnh đạo nhà xuất bản diễn ra ở nhiều nhà xuất bản, ảnh hưởng đến hoạt động ổn định của nhà xuất bản. Trong các nguyên nhân có nguyên nhân từ sự thiếu quan tâm, đầu tư, quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo. Việc luật hoá sẽ khắc phục hạn chế này.

Đối với việc bổ sung thêm trách nhiệm chủ quản đầu tư thông qua việc giao nhiệm vụ và đặt hàng xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan chủ quan cho nhà xuất bản, việc luật hoá nhiệm vụ này của cơ quan chủ quản sẽ góp phần quan trọng để tăng cường trách nhiệm chủ quản, tạo điều kiện nhà xuất bản thực hiện tốt tôn chỉ mục đích, ổn định hoạt động, giữ vững định hướng, tích luỹ nguồn lực để phát triển.

Đối với việc bổ sung nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; khen thưởng, kỷ luật của nhà xuất bản theo thầm quyền nhằm thống nhất với Luật khiếu nại, tố cáo và cũng như yêu cầu xử lý đơn thư phản ánh liên quan đến nhà xuất bản theo các quy định chung về phân cấp quản lý nhà nước.

***đ. Hoàn thiện nội dung quản lý liên kết xuất bản (Điều 23)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung Điều 23.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp:*

Đới với việc bổ sung đối tượng liên kết với nhà xuất bản là các cơ sở cung cấp nền tảng trung gian phát hành và nội dung liên kết là cung cấp nền tảng trung gian phát hành, việc bổ sung như trên phù hợp, thống nhất với việc đưa vào quy định của Luật Xuất bản nội dung quản lý các cơ sở cung cấp nền tảng trung gian phát hành và hoạt động cung cấp nền tảng trung gian phát hành.

Đối với việc bỏ nội dung liên kết theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là không cần thiết do hoạt động liên kết là hoạt động kinh tế thực hiện theo các quy định chung về hợp đồng kinh tế.

Đối với việc bỏ nội dung liên kết sơ bộ và các loại tác phẩm, tài liệu về lý luận chính trị, lịch sử, tôn giáo, chủ quyền quốc gia, hồi ký nhà xuất bản không được phếp liên kết biên tập sơ bộ vì việc quy định biên tập sơ bộ không thực tiễn, khó định lượng biên tập sơ bộ, trong khi đó, trách nhiệm xuất bản và trách nhiệm nội dung vẫn thuộc về giám đốc và tổng biên tập nhà xuất bản.

 ***e. Hoàn thiện nội dung quy định về quản lý thông tin trên xuất bản phẩm (Điều 27) và quản lý quảng cáo trong xuất bản phẩm (Điều 30)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung Điều 27, Điều 30.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Hiện nay, việc không cho phép quảng cáo trên xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử dưới định dạng cho phép người sử dụng đọc như sách in là phù hợp vì sách là sản phẩm truyền bá tri thức, có giá trị lưu truyền và đây cũng là một quy định có tính phổ quát ở nhiều nước trên thế giới. Việc quảng cáo chỉ nên dành riêng cho các ấn phẩm phục vụ quảng cáo. Tuy nhiên, với sách nói và sách video, do tính chất sử dụng khác với sách giấy hoặc sách điện tử nhưng dùng đọc như sách giấy nên việc tạo điều kiện để cho quảng cáo với giới hạn như đối với quảng cáo với các chương trình ruyền hình mà người xem trả tiền[[11]](#footnote-11) là phù hợp, tạo điều kiện thu hút thêm nguồn lực đẩy nhanh chuyển đổi số, phát triển xuất bản điện tử.

***f. Hoàn thiện nội dung quy định về đầu tư vào lĩnh vực in xuất bản phẩm (Điều 32)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung Điều 32

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Theo Quyết định số 1994/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2020 - 2025. Việc mở rộng cho phép đầu tư nước ngoài vào in xuất bản phẩm đã được đặt ra. Trên thực tế, việc mở rộng cho phép đầu tư nước ngoài với giới hạn tỷ lệ góp vốn sẽ một mặt thu hút nguồn lực đầu tư lớn vào lĩnh vực in, mặt khác tạo cơ hội để doanh nghiệp in trong nước liên doanh, liên kết kinh doanh, thu hút vốn và công nghệ để hiện đại hoá ngành in. Tuy nhiên, để bảo vệ thị trường trong nước, bảo đảm an ninh tư tưởng, cần lộ trình và giới hạn cụ thể. Trước mắt giới hạn cho phép đầu tư nước ngoài với cổ phần không chi phối.

***g. Hoàn thiện nội dung quy định về thành lập chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm và bổ sung quy định về thời hạn giấy phếp hoạt động (Điều 31, Điều 32)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung Điều 31, Điều 32 Luật Xuất bản.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Đối với bổ sung nội dung về chi nhánh cơ sở in, thực tế việc thành lập chi nhánh là đòi hỏi khách quan. Luật Xuất bản 2012 không bao quát hết, vì thế không có quy định về nội dung này. Việc quy định như trên cho phép cơ sở in hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị và ngành.

Đối với việc bổ sung quy định về thời hạn giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm: Luật Xuất bản 2012 không quy định về thời hạn giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. Vì thế đã xuất hiện tình trạng, nhiều cơ sở in đã được cấp giấy phép nhưng không còn hoạt động, không đủ điều kiện hoạt động. Việc bổ sung quy định cấp giấy phép nhằm tăng cường quản lý, rà soát chặt chẽ các cơ sở in, nhất là các cơ sở in quy mô nhỏ, công nghệ hạn chế, từ đó góp phần vào việc quản lý, ngăn chặn hiện tượng in lậu, tạo thị trường in lành mạnh, tham gia bảo vệ bản quyền, góp phần thúc đẩy ngành xuất bản phát triển.

***h. Hoàn thiện nội dung quy định về quản lý doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (nền tảng số trung gian) trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Điều 44b).***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Bổ sung Điều 44b

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Thống nhất quan điểm đưa cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành vào quản lý theo Luật Xuất bản nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hiện nay khi cơ sở trung gian cung cấp dịch vụ phát hành xuất bản phẩm ngày càng giữ vai trò quan trọng, trở thành kênh phát hành chủ yếu. Tuy nhiên, do thiếu các quy định pháp lý dẫn đến nhiều cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm đã không có các giải pháp quản lý phù hợp để ngăn chặn các đối tượng không đăng ký nhưng kinh doanh hoạt động phát hành trên các nền tảng, cũng như hành vi lợi dụng nền tảng để bán sách lậu, vi phạm bản quyền. Ngoài ra việc đưa vào quản lý còn là giải pháp quản lý đối với các nền tảng xuyên biên giới trong hoạt động này.

**C. CHÍNH SÁCH 3: CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

*a. Bất cập trong quy định về thủ tục hành chính đối với việc thành lập văn phòng đại diện Nhà xuất bản và cơ sở phát hành xuất bản phẩm nước ngoài*

*b. Bất cập trong các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất bản như cấp, cấp đổi giấy phép thành lập, thu hồi và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản; chứng chỉ hành nghề biên tập; cấp giấy phép tài liệu không kinh doanh; đăng ký xuất bản và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm và nộp xuất bản phẩm cho thư viện.*

*c. Bất cập trong các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực in xuất bản phẩm như cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, In gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân in xuất bản phẩm thực hiện các thủ tục nhanh chóng, hiệu quả, giảm chi phí phát sinh.*

*d. Bất cập trong các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm như cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, triển lãm, hội chợ nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia phát hành xuất bản phẩm thực hiện các thủ tục nhanh chóng, hiệu quả, giảm chi phí phát sinh.*

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

a.Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.

b.Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung, hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất bản theo hướng đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian, đơn giản hóa thành phần hồ sơ.

c.Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung, hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực in xuất bản phẩm theo hướng đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian, đơn giản hóa thành phần hồ sơ.

d.Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung, hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm theo hướng đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian, đơn giản hóa thành phần hồ sơ.

**3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

***a. Hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp thứ nhất: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi, bổ sung giao toàn bộ quyền quản lý, cấp phép thành lập về Uỷ ban nhân dân tỉnh (khoản 1 Điều 8) Cụ thể: *“1. Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp, tổ chức được thành lập tại nước ngoài hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực trong đó có xuất bản, phát hành xuất bản phẩm) được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam sau khi được ~~Bộ Thông tin và Truyền thông~~ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không triển khai được chủ trương chung về phân cấp, thuận lợi hơn cho cơ quan quản lý trong trường hợp văn phòng đại diện đặt ở các thành phố, tỉnh ngoài Hà Nội.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Gây khó khăn cho các nhà xuất bản, cơ sở phát hành muốn đặt văn phòng đại diện Hà Nội, phát sinh chi phí thực hiện thủ tục.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 8

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Thực hiện phân cấp, tạo điều kiện để quản lý văn phòng đại diện của nhà xuất bản, cơ sở phát hành xuất bản phẩm nước ngoài chặt chẽ, hiệu quả hơn.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ hoạt động thuận lợi của các văn phòng đại diện nhà xuất bản, cơ sở phát hành xuất bản phẩm nước ngoài trong hợp tác, giới thiệu xuất bản phẩm.

(3) Đối với doanh nghiệp: Đảm bảo công bằng, giảm thiểu chi phí không cần thiết đối với các đơn vị.

Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giảm triển khai thủ tục hành chính đối với các nhà xuất bản, cơ sở phát hành chỉ tổ chức xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử ngoại tuyến.

***b. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp, cấp đổi giấy phép thành lập, thu hồi và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản; chứng chỉ hành nghề biên tập; cấp giấy phép tài liệu không kinh doanh; đăng ký xuất bản và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm và nộp xuất bản phẩm cho thư viện***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp thứ nhất: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Giảm thời gian cấp, cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản từ 30 ngày xuống 15 ngày làm việc (khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 15). Cụ thể:

(1) Sửa khoản 2 Điều 14: *“2. Trong thời hạn ~~30~~ 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông phải cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”*.

(2) Sửa khoản 3 Điều 15: *“3. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông phải cấp đổi giấy phép; trường hợp không cấp đổi giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”.*

+ Giảm thời gian cấp chứng chỉ hành nghề biên tập từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc (khoản 2 Điều 20) và thời gian biên tập viên bị thu hồi từ 2 năm xuống 12 tháng (khoản 4 Điều 20. Cụ thể:

(1) Sửa khoản 2 Điều 20: *“2. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp chứng chỉ hành nghề biên tập; trường hợp không cấp chứng chỉ phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”.*

(2) Sửa khoản 4 Điều 20 *“4. Biên tập viên có chứng chỉ hành nghề biên tập bị thu hồi thì sau ~~02~~ 12 tháng mới được xét cấp lại, trừ trường hợp biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án về các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, các tội xâm phạm an ninh quốc gia.”.*

*+* Bỏ thủ tục đăng ký và cấp đăng ký xuất bản; giữ lại một phần thủ tục trong đăng ký xuất bản để chyển thành thủ tục đăng ký và cấp mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) (Điều 22). Cụ thể: *“Điều 22. Cấp mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN).*

*1. Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký cấp mã số ISBN theo mẫu quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông và nộp phí theo quy định. Nội dung đăng ký cấp mã số ISBN phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản.*

*2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký cấp mã số ISBN, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã ISBN đối với từng tên xuất bản phẩm; trường hợp không ~~xác nhận~~ cấp mã số ISBN phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.*

*3. Đối với xuất bản phẩm đã được cấp mã số ISBN mà có thay đổi thông tin về số lượng in nhưng không thay đổi chủ đề nội dung, tác giả, đối tác liên kết thì nhà xuất bản được tiếp tục sử dụng mã số ISBN đã cấp và phải thông báo về Bộ Thông tin và Truyền thông”.*

+ Giảm số lượng bản thảo tài liệu nộp để thẩm định và giảm thời gian thẩm định đối với thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (khoản 4, khoản 5 Điều 25). Cụ thể:

(1) Sửa khoản 4 Điều 25: *“4. Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 1 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính và nộp phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép. Hồ sơ bao gồm:*

*a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;*

*b) ~~Ba~~ Hai bản thảo tài liệu; trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt; trường hợp tài liệu để xuất bản điện tử, phải lưu toàn bộ nội dung vào thiết bị số; trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì bản thảo phải được định dạng điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản.*

(2) Sửa khoản 5 Điều 25: *“5. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 1 Điều này phải cấp giấy phép xuất bản, đóng dấu vào hai bản thảo tài liệu và lưu lại một bản, một bản trả lại cho tổ chức để nghị cấp phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do; trường hợp”.*

+ Đơn giản hoá, cho phép phát hành ngay sau khi hoàn thành thủ tục nộp lưu chiểu, giảm số lượng và bỏ một số loại hình xuất bản phẩm không phải nộp lưu chiểu. Cụ thể: Sửa khoản 1 Điều 28: *“1. ~~Tất cả~~ Xuất bản phẩm phải nộp lưu chiểu cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản ~~chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành~~. Sau khi hoàn thành việc nộp lưu chiểu, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh quyết định thời điểm phát hành xuất bản phẩm. Việc nộp lưu chiểu xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định sau đây:*

*a) Nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản phải nộp ba hai bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông; đối với xuất bản phẩm điện tử, nhà xuất bản, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản thực hiện nộp lưu chiểu thông qua thiết bị lưu trữ di động và có trách nhiệm lưu giữ xuất bản phẩm lưu chiểu trên nền tảng công nghệ xuất bản điện tử của nhà xuất bản tối thiểu trong 24 tháng.*

*b) Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản phải nộp hai bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ~~đối với sách in và một bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông; trường hợp số lượng in dưới ba trăm bản thì nộp một bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, một bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông; đ~~ối với xuất bản phẩm điện tử, cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản nộp xuất bản phẩm lưu chiểu thông qua thiết bị lưu trữ di động.*

*c) Đối với xuất bản phẩm tái bản ~~không sửa chữa, bổ sung thì nộp một bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông; trường hợp~~ có sửa chữa, bổ sung thì thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này; đối với xuất bản phẩm được in tại nhiều nhà in thì thực hiện nộp lưu chiểu theo quy định tại điểm a khoản này”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không triển khai chủ trương cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Quyết định 1994/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Đối với người dân: Chịu tác động trực tiếp khi tham gia hoặc gián tiếp do không thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo hành lang thông thoáng hơn cho các chủ thể thực hiện các thủ tục hành chính về cấp, cấp đổi giấy phép thành lập, thu hồi và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản; chứng chỉ hành nghề biên tập; cấp giấy phép tài liệu không kinh doanh; đăng ký xuất bản và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm và nộp xuất bản phẩm cho thư viện

(3) Đối với doanh nghiệp: Chịu tác động do không thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo hành lang thông thoáng hơn cho doanh nghiệp.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 14, 15, 20, 22, 25, 28.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong lĩnh vực xuất bản.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ cải cách thủ tục hành chính về cấp, cấp đổi giấy phép thành lập, thu hồi và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản; chứng chỉ hành nghề biên tập; cấp giấy phép tài liệu không kinh doanh; đăng ký xuất bản và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm và nộp xuất bản phẩm cho thư viện.

(3) Đối với doanh nghiệp: Giảm thiểu chi phí không cần thiết, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhà xuất bản và các chủ thể khác khi thực hiện thủ tục hành chính về cấp, cấp đổi giấy phép thành lập, thu hồi và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản; chứng chỉ hành nghề biên tập; cấp giấy phép tài liệu không kinh doanh; đăng ký xuất bản và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm và nộp xuất bản phẩm cho thư viện.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giảm triển khai thủ tục hành chính đối với các nhà xuất bản và các chủ thể khác tham gia thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất bản.

***c. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, in xuất khẩu xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp thứ nhất: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung như sau:

*+* Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính đối với việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài. Cụ thể:

(1) Giảm thời gian cấp giấy phép hoạt động cơ sở in xuất bản phẩm từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc (khoản 4 Điều 32): *“4. Trong thời hạn ~~15 ngày~~ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 3 Điều này phải cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”.*

(2) Chuyển thủ tục hành chính từ cấp phép in gia công xuất bản phẩm sang thủ tục xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm và giảm thời gian cấp giấy xác nhận (Điều 33): *“4. Trong thời hạn ~~10~~ 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp giấy xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm, đóng dấu vào hai bản mẫu và gửi trả lại cơ sở in một bản; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký in xuất khẩu phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ nộp qua dịch vụ công trực tuyến, bản mẫu gửi cơ sở in phải được định dạng điện tử có chữ ký số của cơ quan quản lý nhà nước****.****”*

+ Giảm điều kiện và đơn giản hoá thành phần hồ sơ cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; gộp thủ tục hành chính cấp đổi và cấp lại; giảm đơn giản hoá hồ sơ xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm. Cụ thể

(1) Bỏ điều kiện về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường theo quy định pháp luật; đồng thời bỏ thành phần giấy chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự, vệ sinh môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (điểm c, khoản 1; điểm e khoản 2 Điều 32).

(2) Gộp 02 thủ tục hành chính gồm cấp lại và cấp đổi giấy phép hoạt động in thành 01 thủ tục hành chính (khoản 6 Điều 32). Cụ thể: *“Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được cấp lại trong trường hợp sau: a) Bị mất hoặc bị hư hỏng, hết hạn; b) Có một trong các thay đổi về tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in, loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in.”.*

(3) Đơn giản hoá hồ sơ cấp xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm, cho phép nộp trực tuyến bản mẫu in. (khoản 3 Điều 34): *“3. Trước khi in xuất bản phẩm, cơ sở in phải lập hồ sơ đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đăng ký gồm:*

*a) Đơn đăng ký ~~đề nghị cấp giấy phép~~ in gia công xuất khẩu xuất bản phẩm ~~cho tổ chức, cá nhân nước ngoài~~ theo mẫu quy định;*

*b) Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in; trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, bản mẫu phải được định dạng điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm.*

*c) Bản sao ~~có chứng thực~~ giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;*

*d) Bản sao ~~có chứng thực~~ hợp đồng in ~~gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;~~ xuất khẩu xuất bản phẩm; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt;*

*đ) Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, căn cước công dân ~~giấy chứng minh nhân dân~~ của người được ủy quyền đặt in.”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không triển khai chủ trương cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Quyết định 1994/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Đối với người dân: Chịu tác động trực tiếp khi tham gia hoặc gián tiếp do không thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo hành lang thông thoáng hơn cho các chủ thể thực hiện các thủ tục hành chính

(3) Đối với doanh nghiệp: Chịu tác động do không thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo hành lang thông thoáng hơn cho doanh nghiệp.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 31, 32, 34.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong lĩnh vực in xuất bản phẩm.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ cải cách thủ tục hành chính về cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, in xuất khẩu xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

(3) Đối với doanh nghiệp: Giảm thiểu chi phí không cần thiết, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhà xuất bản và các chủ thể khác khi thực hiện thủ tục hành chính về cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, in xuất khẩu xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giảm triển khai thủ tục hành chính đối với các cơ sở in xuất bản phẩm và các chủ thể khác tham gia triển khai thủ tục hành chính trong lĩnh vực in xuất bản phẩm.

***d. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, triển lãm, hội chợ****.*

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp thứ nhất: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung như sau:

*+* Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Điều 37), cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (Điều 38), cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh (Điều 39), cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (Điều 41). Cụ thể:

(1) Bổ sung khoản 3 Điều 37: *“3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Uỷ ban nhân dân tỉnh phải cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.”.[[12]](#footnote-12)*

(2) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 38: *“5. Trong thời hạn ~~30~~20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông phải cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”*

(3) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39: *“3. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh ~~bằng văn bản;~~ trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.”.*

(4) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41: *“4. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do”.*

+ Bổ sung nội dung quy định về thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 37). Cụ thể: *“1. Trước khi hoạt động, cơ sở phát hành là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, chi nhánh của các loại hình này phải**đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính. Hồ sơ đăng ký gồm:*

*a) Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo mẫu quy định.*

*b) Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh; trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến, bảo sao phải có chứng thực điện tử.*

*c) Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài; trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến, bảo sao phải có chứng thực điện tử.*

*d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phát hành xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp, trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến, bảo sao phải có chứng thực điện tử”.*

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 44, chuyển toàn bộ thẩm quyền cấp giấy phép hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm về cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản ở địa phương. Cụ thể: *“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm trên địa bàn”.*

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không triển khai chủ trương cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Quyết định 1994/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Đối với người dân: Chịu tác động trực tiếp khi tham gia hoặc gián tiếp do không thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo hành lang thông thoáng hơn cho các chủ thể thực hiện các thủ tục hành chính

(3) Đối với doanh nghiệp: Chịu tác động do không thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, tạo hành lang thông thoáng hơn cho doanh nghiệp.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 37, 38, 39, 41, 44.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ cải cách thủ tục hành chính về cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, triển lãm, hội chợxuất bản phẩm.

(3) Đối với doanh nghiệp: Giảm thiểu chi phí không cần thiết, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhà xuất bản và các chủ thể khác khi thực hiện thủ tục hành chính về cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, triển lãm, hội chợxuất bản phẩm

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giảm triển khai thủ tục hành chính đối với các cơ sở in xuất bản phẩm và các chủ thể khác tham gia triển khai thủ tục hành chính trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm.

**4. Kiến nghị lựa chọn giải pháp**

***a. Hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Bổ sung khoản 1 Điều 8.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Thực hiện phân cấp đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả cơ quan quản lý.

***b. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp, cấp đổi giấy phép thành lập, thu hồi và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản; chứng chỉ hành nghề biên tập; cấp giấy phép tài liệu không kinh doanh; đăng ký xuất bản và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm và nộp xuất bản phẩm cho thư viện***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Bổ sung khoản 2 Điều 14,; khoản 3 Điều 15; khoản 2, 4 Điều 20; Điều 22; khoản 4, khoản 5 Điều 25; khoản 1 Điều 28;

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

- Đối với việc giảm thời gian cấp, cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản từ 30 ngày xuống 15 ngày làm việc, thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử và giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính giúp nhà xuất bản, các chủ thể khác tham gia tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Đối với việc giảm thời gian cấp chứng chỉ hành nghề biên tập từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc và thời gian biên tập viên bị thu hồi từ 2 năm xuống 01 năm (12 tháng), thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử và giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Ngoài ra việc giảm thời gian chứng chỉ bị thu hồi được xem xét cấp lại từ 2 năm (24 tháng) xuống 01 năm (12 tháng) là phù hợp, thống nhất với các quy định tương tự về việc thu hồi thẻ phóng viên của Luật Báo chí hiện nay.

- Đối với việc bỏ thủ tục đăng ký và cấp đăng ký xuất bản; giữ lại một phần thủ tục trong đăng ký xuất bản để chyển thành thủ tục đăng ký và cấp mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) để đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực xuất bản. Thực tế cho thấy, về cấp giấy xác nhận đăng ký xuất bản được quy định tạiĐiều 22 Luật Xuất bản. Thời gian qua, bình quân hằng năm, Cục Xuất bản, In và Phát hành Bộ Thông tin và Truyền thông cấp khoảng 75.000 – 80.000 đăng ký xuất bản kèm theo mã ISBN, gây sức ép lên cơ quan quản lý trong triển khai thủ tục. Việc bỏ thủ tục này và chỉ giữ lại nội dung cấp đăng ký mã số ISBN (hiện nay do phần mềm quản lý cấp tự động, cơ quan quản lý căn cứ xử lý dữ liệu của phần mềm để cung cấp cho nhà xuất bản đăng ký mã số ISBN) là cần thiết, giảm áp lực lên cơ quan quản lý. Mặt khác, việc bỏ thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký cũng đáp ứng tốt hơn yêu cầu hội nhập với thế giới.

- Đối với việc giảm số lượng bản thảo tài liệu nộp để thẩm định và giảm thời gian thẩm định đối với thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, thực tế cho thấy, thông qua việc giảm thành phần hồ sơ: *“Ba bản thảo tài liệu”* xuống còn *“hai bản thảo tài liệu”*;thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử; giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhà xuất bản và đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho cá nhân, tổ chức tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Đối với việc đơn giản hoá, cho phép phát hành ngay sau khi hoàn thành thủ tục nộp lưu chiểu, giảm số lượng và bỏ một số loại hình xuất bản phẩm không phải nộp lưu chiểu, thông qua việc bãi bỏ quy định *xuất bản phẩm phải nộp lưu chiểu chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành*” và thay thế bằng “*sau khi hoàn thành việc nộp lưu chiểu, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh quyết định thời điểm phát hành xuất bản phẩm*”; đồng thời giảm số bản lưu chiểu từ ba bản xuống hai bản; bỏ nộp lưu chiểu đối với sách tái bản không sửa chữa, bổ sung và các xuất bản phẩm như lịch, tranh, ảnh… nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà xuất bản và đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho tổ chức tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

***c. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, In gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Bổ sung khoản 1, 4, 6 Điều 32; khoản 4 Điều 33; khoản 3 Điều 34;

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

- Đối với việc giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính đối với việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, việc thực hiện sẽ góp phần bảo đảm thực hiện nghiêm Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, góp phần thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử và giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Đối với việc giảm điều kiện và đơn giản hoá thành phần hồ sơ cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; gộp thủ tục hành chính cấp đổi và cấp lại; giảm đơn giản hoá hồ sơ xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm, việc thực hiện sẽ góp phần thực hiện nghiêm Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, góp phần thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử, giúp đơn giản hóa cách thức thực hiện, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

***d. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, triển lãm, hội chợ****.*

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung các điều khoản: điểm a, b, c, d khoản 1, khoản 3 Điều 37; khoản 5 Điều 38; khoản 3 Điều 39; khoản 4 Điều 41; Điều 44.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

- Đối với việc giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm, cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm, cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh, cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, việc giảm nhằm thực hiện nghiêm Quyết định 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, góp phần thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử và giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Đối với việc bổ sung nội dung quy định về thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm, theo Luật Xuất bản 2012 giao thẩm quyền quy định chi tiết việc cấp đăng ký hoạt động cho Chính phủ. Theo đó, thành phần hồ sơ được quy định tại Nghị định 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản. Để thuận lợi hơn trong quá trình tổ chức thực hiện, nội dung thành phần hồ sơ cần quy định trực tiếp vào Luật sửa đổi, bổ sung.

- Đối với việc sửa đổi, bổ sung chuyển toàn bộ thẩm quyền cấp giấy phép hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm về cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản ở địa phương, thời gian qua, thực hiện Luật Xuất bản 2012, việc tổ chức hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm phát sinh một số khó khăn có nguyên nhân cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương không được giao thẩm quyền cấp giấy phép hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm do cơ sở phát hành ở Trung ương hoặc do cơ quan quản lý hoạt động xuất bản ở tỉnh, thành khác cấp. Vì thế, việc phân cấp, giao toàn bộ thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm cho cơ quan quản lý hoạt động xuất bản nơi diễn ra hội chợ, triển lãm là phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, thực hiện chủ trương phân cấp quản lý xuống địa phương.

**D. CHÍNH SÁCH 4: HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

***a. Phạm vi điều chỉnh của chương V chưa phù hợp với nội dung điều chỉnh***

- Nguyên nhân: Thời điểm ban hành Luật Xuất bản 2012, xuất bản điện tử mới phát triển nên nội dung chưa bao quát hết và đẩy đủ các yêu cầu quản lý đối với hoạt động này.

- Hậu quả: Gây khó khăn cho các đơn vị xuất bản khi đòi hỏi các điều kiện chung cho tất cả các đơn vị xuất bản theo điều kiện riêng dành cho xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên nền tảng Internet.

***b. Tên gọi và nội dung các điều bất cập nếu điều chỉnh phạm vi điều chỉnh của chương 5.*** Cụ thể cần điều chỉnh tên gọi và nội dung các quy định về điều kiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; cách thức thực hiện xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường Internet; kỹ thuật, công nghệ để xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet; Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet và việc giao Chính phủ Quy định chi tiết về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet phù hợp với điều chỉnh tên gọi và phạm vi điều chỉnh của Chương V.

- Nguyên nhân: Do tên gọi của Chương V, từ đó nội dung điều chỉnh có nhiều bất cập, không bao quát và tính đầy đủ điều kiện phát triển của xuất bản điện tử.

- Hậu quả: Gây khó khăn cho các đơn vị xuất bản khi đòi hỏi các điều kiện chung cho tất cả các đơn vị xuất bản theo điều kiện riêng dành cho xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên nền tảng Internet.

***c. Bất cập trong quản lý các cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm nhằm thúc đẩy phát triển các nền tảng số trung gian, đồng thời lành mạnh hóa thị trường xuất bản phẩm điện tử.***

- Nguyên nhân: Thời điểm ban hành Luật Xuất bản 2012, xuất bản điện tử mới phát triển nên nội dung chưa bao quát hết và đẩy đủ các yêu cầu quản lý đối với hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm.

- Hậu quả: Thiếu công cụ quản lý ảnh hưởng sự phát triển lành mạnh của thị trường xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

a. Khắc phục hạn chế về phạm vi điều chỉnh và nội dung của chương V để làm để làm cơ sở cho xác định điều kiện hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử phù hợp thực tiễn và yêu cầu phát triển

b. Khắc phục, điều chỉnh các nội dung để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Chương V.

c. Khắc phục hạn chế về yêu cầu quản lý nhà nước đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành (nền tảng số) và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ này nhằm thúc đẩy phát triển các nền tảng số trung gian, đồng thời lành mạnh hóa thị trường xuất bản phẩm điện tử.

**3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

***a. Điều chỉnh tên chương phù hợp với nội dung, yêu cầu quản lý về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet; đồng thời sửa đổi các nội dung phù hợp với tên chương***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp thứ nhất: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp thứ hai: Sửa tên Chương V: Xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet.

Đồng nghĩa thu hẹp phạm vi quản lý để bảo đảm quản lý hiệu quả, khả thi, thuận lợi cho các đơn vị tham gia xuất bản.

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu công cụ để quản lý hiệu quả; thiếu minh bạch trong tổ chức thực hiện.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Gây khó khăn cho nhà xuất bản, đơn vị phát hành khi đa dạng hoá các hình thức xuất bản điện tử khi chỉ thực hiện xuất bản ngoại tuyến nhưng vẫn phải đáp ứng các yêu cầu của xuất bản trực tuyến trên môi trường mạng Internet.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung tên Chương V.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có công cụ quản lý để quản lý hiệu quả hơn hoạt động xuất bản điện tử, tập trung nguồn lực quản lý xuất bản điện tử trên Internet, xu hướng chủ yếu hiện nay và thời gian tới.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của thị trường sách điện tử khi việc quản lý hiệu quả hơn, thị trường xuất bản phẩm điện tử phát triển lành mạnh.

(3) Đối với doanh nghiệp: Đảm bảo công bằng, giảm thiểu chi phí không cần thiết đối với các đơn vị chỉ tham gia xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử ngoại tuyến.

Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giảm triển khai thủ tục hành chính đối với các nhà xuất bản, cơ sở phát hành chỉ tổ chức xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử ngoại tuyến.

***b. Hoàn thiện nội dung các quy định chương V:*** Về điều kiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; cách thức thực hiện xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường Internet; kỹ thuật, công nghệ để xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet; Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet và việc giao Chính phủ Quy định chi tiết về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet, nộp lưu chiểu, nộp cho thư viện, quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử để phù hợp với nội dung điều chỉnh của Chương V là Xuất bản và phát hành xuấ bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet.

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp thứ nhất: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp thứ hai: Sửa đổi các điều 45, 46, 47, 50, 51, 52 như sau:

+ Bổ sung nội dung “trên môi trường mạng Internet” vào tên gọi các Điều 45, 46, 47, 50, 51, 52 và khoản 1,2 Điều 45, khoản 1, 2, 3, 4 Điều 46, lời dẫn Điều 47.

+ Bỏ Điều 48 quy định về nộp xuất phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện quốc gia chuyển nội dung quản lý lên Điều 28;

+ Bỏ Điều 49 quy định về quản lý quảng cáo đối với xuất bản phẩm điện tử, chuyển nội dung này lên Điều 30 về quản lý quản lý quảng cáo đối với xuất bản phẩm.

*Thứ hai, đánh giá tác động của các giải pháp (tương tự như sửa tên Chương V).*

***c. Hoàn thiện nội dung về quản lý đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian, bổ sung yêu cầu đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet (khoản 3 Điều 45)***

*Thứ nhất, các giải pháp*

- Giải pháp thứ nhất: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp thứ hai: Bổ sung khoản 3 Điều 45.

Cụ thể: “*3. Cơ sở cung cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm được cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng và chỉ được cung cấp cho các nhà xuất bản, cơ sở phát hành đã được cấp xác nhận xuất bản và phát hành điện tử trên môi trường mạng Internet”.*

- Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có.

+ Tác động về kinh tế- xã hội:

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

* Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Thiếu công cụ để quản lý hiệu quả hoạt động phát hành trên các nền tảng thương mại điện tử, các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới.

(2) Đối với người dân: Do nhà nước thiếu công cụ quản lý hiệu quả hoạt động phát hành trên các nền tảng thương mại điện tử, các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới dẫn đến hiện tượng một số tổ chức, cá nhân lợi dụng để vi phạm bản quyền trên không gian mạng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong thụ hưởng xuất bản phẩm chất lượng, bảo vệ quyền tác giả hiệu quả.

(3) Đối với doanh nghiệp: Do nhà nước thiếu công cụ quản lý hiệu quả hoạt động phát hành trên các nền tảng thương mại điện tử, các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới dẫn đến hiện tượng một số tổ chức, cá nhân lợi dụng để vi phạm bản quyền trên không gian mạng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị xuất bản tuân thủ pháp luật.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

- Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung tên Chương V.

+ Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không phát sinh tác động đến hệ thống quy định pháp luật có liên quan.

+ Tác động về kinh tế- xã hội

* Tác động tích cực:

(1) Đối với nhà nước: Có công cụ quản lý quản lý hiệu quả hoạt động phát hành trên các nền tảng thương mại điện tử, các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới dẫn đến hiện tượng một số tổ chức, cá nhân lợi dụng để vi phạm bản quyền trên không gian mạng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong thụ hưởng xuất bản phẩm chất lượng, bảo vệ quyền tác giả hiệu quả.

(2) Đối với người dân: Gián tiếp hưởng lợi từ sự phát triển của thị trường sách điện tử khi việc quản lý hiệu quả hơn, thị trường xuất bản phẩm điện tử phát triển lành mạnh.

(3) Đối với doanh nghiệp: Do nhà nước có công cụ quản lý hiệu quả hoạt động phát hành trên các nền tảng thương mại điện tử, các nền tảng mạng xã hội xuyên biên giới, góp phần quản lý tốt hơn, ngăn chặn hiệu quả hơn hiện tượng một số tổ chức, cá nhân lợi dụng để vi phạm bản quyền trên không gian mạng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị xuất bản tuân thủ pháp luật.

Tác động tiêu cực:

(1) Đối với nhà nước: Không có.

(2) Đối với người dân: Không có.

(3) Đối với doanh nghiệp: Không có.

+ Tác động về giới (nếu có): Không phát sinh, do chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

+ Tác động của thủ tục hành chính (nếu có): Giảm triển khai thủ tục hành chính đối với các nhà xuất bản, cơ sở phát hành chỉ tổ chức xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử ngoại tuyến.

**4. Kiến nghị lựa chọn giải pháp**

***a. Điều chỉnh tên chương phù hợp với nội dung, yêu cầu quản lý về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet. Cụ thể: Chương V: Xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: Sửa đổi, bổ sung tên Chương V

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Tên gọi chương không phù hợp. Trên thực tế, chương này chủ yếu chỉ phù hợp điều chỉnh hoạt động xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên Internet. Tuy nhiên, do tên gọi và nội dung là xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử nói chung dẫn đến các nội dung điều chỉnh chưa có sự phân biệt giữa xuất bản điện tử nói chung và xuất bản điện tử trên Internet, từ đó có nội dung quản lý phù hợp, tránh gây lãng phí, ảnh hưởng đến quá trình hiện đại hoá và chuyển đổi số của ngành.

***b. Hoàn thiện nội dung các quy định chương V*** phù hợp với nội dung điều chỉnh của *Chương V là Xuất bản và phát hành xuấ bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet.*

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: sửa các điều 45, 46, 47, 50, 51, 52 Luật Xuất bản.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Chương V khi có sự điều chỉnh về tên gọi.

***c. Hoàn thiện nội dung về quản lý đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian, bổ sung yêu cầu đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet. (khoản 3 Điều 45)***

*Thứ nhất, giải pháp lựa chọn*

Giải pháp thứ hai: bổ sung khoản 3 Điều 45.

*Thứ hai, lý do lựa chọn giải pháp*

Thống nhất đưa vào quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm nói chung bao gồm cả xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ quyền tác giả và sự phát triển lành mạnh của thị trường xuất bản phẩm.

**III. PHỤ LỤC**

 - Các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích của các giải pháp (nếu có).

 - Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xuất bản, Bộ Thông tin và Truyền thông xin báo cáo Chính phủ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c); - Ban Tuyên giáo TW (để b/c);- Văn phòng Chính phủ (để b/c);- Bộ Tư pháp;- Bộ trưởng (để b/c);- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;- Cổng TTĐT Chính phủ và Cổng TTĐT của Bộ TTTT (để đăng tải);- Lưu: VT, CXBIPH. | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Mạnh Hùng** |

1. Văn kiện Đại hội XIII tập 1, trang 146. [↑](#footnote-ref-1)
2. Điều 1 Luật Xuất bản năm 2012. [↑](#footnote-ref-2)
3. Các đơn vị xuất bản bao gồm: nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành và các cơ sở trung gian phát hành xuất bản phẩm [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo khảo sát thống kê của Cục Xuất bản, In và Phát hành bình quân giai đoạn 2019- 2023, tỷ trọng doanh thu phát hành trên các nền tảng trực tuyến chiếm 31,5%. Riêng thời điểm dịch bệnh 2020-2021, tỷ trọng đạt 54,5%. [↑](#footnote-ref-4)
5. Chương trình đặt hàng xuất bản phẩm sử dụng ngân sách Nhà nước (giai đoạn 2017-2021 và 2022-2026) của Bộ Thông tin và Truyền thông; Đề án sách Trung ương đặt hàng và Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn của NXB CTQGST; nội dung cung cấp xuất bản phẩm trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo thông tin… [↑](#footnote-ref-5)
6. Hiện tổng số kho số ISBN của Việt Nam do tổ chức ISBN thế giới cung cấp (bao gồm cả kho số mới bổ sung năm 2023) còn khoảng 300.000 mã (nguồn Cục Xuất bản, In và Phát hành - Bộ Thông tin và Truyền thông). [↑](#footnote-ref-6)
7. Phí cấp ISBN ở Mỹ: khoảng 125 USD/01 ISBN, 295 USD/10 ISBN và 575 USD/100 ISBN; 1.500/1000 ISBN USD; ở Pháp: 20-30 Euro/01 ISBN; ở Đức: 30 Euro/01 ISBN, 250 Euro/10 ISBN; ở Trung Quốc: khoảng 50-100 nhân dân tệ/01 ISBN; ở Thái Lan: khoảng 1000 bath/01 ISBN (Số liệu do Tổ chức ISBN quốc tế cung cấp). [↑](#footnote-ref-7)
8. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư về “Nâng cao chất lượng toàn diện hoạt động xuất bản”. [↑](#footnote-ref-8)
9. Năm 2012, số đơn vị liên kết tổ chức bản thảo 80 đơn vị đến 2023, vượt 300 đơn vị. [↑](#footnote-ref-9)
10. Chỉ thị số 42-CT/TW. [↑](#footnote-ref-10)
11. Luật Báo chí quy định: “” [↑](#footnote-ref-11)
12. Luật Xuất bản 2012 giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận hoạt động phát hành. Theo Nghị định 195, thời hạn cấp là [↑](#footnote-ref-12)